



Mã nhận dạng 01850



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Trang 1

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT				8,0	9,8	9,1	0012345678910	0123456789
2	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK				8,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
3	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK				8,5	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
4	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
5	13115377	Nguyễn Ngọc Thảo	DH13CB				8,0	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
6	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK				8,0	7,8	7,9	0012345678910	0123456789
7	18454012	Nguyễn Phan Tuấn	LT18OT				8,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 12 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thanh Ty

TS. Võ Hồng Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC				5,0	5,5	5,2	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC				7,5	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC				7,8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC				7,0	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC				4,0	4,5	4,2	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC				6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC				8,3	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC							0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC				5,0	6,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC							0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC				8,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC				6,5	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC				5,5	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC				6,0	6,5	6,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0
Cán bộ coi thi 1

Hiện diện: 13
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 24/12/2020 15:38



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 07

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD				73	75	74	0012345678910	0123456789
2	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK							0012345678910	0123456789
3	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK				90	90	90	0012345678910	0123456789
4	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK				50	55	52	0012345678910	0123456789
5	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				70	75	72	0012345678910	0123456789
6	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD				65	65	65	0012345678910	0123456789
7	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK				45	45	45	0012345678910	0123456789
8	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC				80	85	82	0012345678910	0123456789
9	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC				65	65	65	0012345678910	0123456789
10	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				40	40	40	0012345678910	0123456789
11	17118046	Trần Khải	DH17CK				73	75	74	0012345678910	0123456789
12	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK				75	75	75	0012345678910	0123456789
13	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD							0012345678910	0123456789
14	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC				70	75	72	0012345678910	0123456789
15	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD				80	85	82	0012345678910	0123456789
16	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK				80	75	79	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 07

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK				6,0	6,5	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK				6,5	6,5	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK				6,5	6,0	6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK				4,0	4,0	4,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD				6,5	7,0	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK				6,0	6,5	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				4,5	4,5	4,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK				7,0	8,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK				4,5	4,0	4,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC				6,5	6,5	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				6,0	7,0	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC				7,0	7,5	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 07

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK	<i>Trần</i>			4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
34	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK	<i>Toàn</i>			4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
35	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK	<i>Trí</i>			4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
36	14118093	Trần Phước Vinh	DH15CK	<i>Phước</i>			7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 6

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

12
CS. Verification

Nguyễn Thị Kiều Hạnh 72
Trưởng Quý Trú



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 08

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				5,0	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
3	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK							0012345678910	0123456789
4	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL				8,3	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
5	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD				4,0	5,5	4,5	0012345678910	0123456789
6	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD				7,5	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
7	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD				6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL				6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
9	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD				6,9	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
10	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				8,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
11	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL				5,0	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
12	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD				4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
13	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				7,8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
14	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL				7,5	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
15	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD							0012345678910	0123456789
16	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL				8,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 08

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD	Hàng			6,5	6,5	6,5	○○○12345678910	○123456789
18	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT	Hoàng			6,0	6,0	6,0	○○○12345678910	○123456789
19	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK	Huy			7,5	7,0	7,4	○○○12345678910	○123456789
20	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD	Kh			4,0	4,5	4,2	○○○12345678910	○123456789
21	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK	u			5,5	5,5	5,5	○○○12345678910	○123456789
22	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL	Đ			5,5	5,0	5,4	○○○12345678910	○123456789
23	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT	Đ			9,0	9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
24	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD	g			6,5	6,5	6,5	○○○12345678910	○123456789
25	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD	g			4,5	4,5	4,5	○○○12345678910	○123456789
26	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL	X			6,5	6,0	6,4	○○○12345678910	○123456789
27	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK							●○○12345678910	○123456789
28	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL	Nam			5,5	5,5	5,5	○○○12345678910	○123456789
29	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD	Ph			5,5	5,5	5,5	○○○12345678910	○123456789
30	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD	Ph			6,5	6,0	6,4	○○○12345678910	○123456789
31	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	Ph			7,0	6,5	6,9	○○○12345678910	○123456789
32	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	HPhuc			6,5	6,5	6,5	○○○12345678910	○123456789



Mã nhận dạng 00997

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 08

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD				6,0	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
34	18153065	Lương Việt Tây	DH18CD							0012345678910	0123456789
35	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD				6,8	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
36	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL				7,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
37	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL				7,5	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
38	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD				7,0	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
39	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD				7,8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
40	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Trương Quang Tường



Mã nhận dạng 01851

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			0,9	1,9	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
2	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			0,8	1,8	4,3	6,9	0012345678910	0123456789
3	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			0,9	1,9	5,9	8,7	0012345678910	0123456789
4	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			0,9	1,8	5,9	8,6	0012345678910	0123456789
5	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			1	1,9	5,2	8,1	0012345678910	0123456789
6	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT							0012345678910	0123456789
7	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			1	1,8	4,9	7,7	0012345678910	0123456789
8	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			0,9	1,9	4,1	6,9	0012345678910	0123456789
9	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			0,7	1,7	5,5	7,9	0012345678910	0123456789
10	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT			1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789
11	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			1	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
12	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			1	1,9	6	8,9	0012345678910	0123456789
13	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			0,9	1,8	6	8,7	0012345678910	0123456789
14	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			1	1,9	6,6	9,5	0012345678910	0123456789
15	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			1	1,9	4,9	7,8	0012345678910	0123456789
16	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01851

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **14/01/2021**

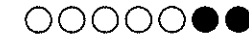
Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			0,9	1,9	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
18	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT			1	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
19	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			1	1,9	6	8,9	0012345678910	0123456789
20	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789
21	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT			1	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
22	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			1	1,9	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
23	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			1	1,9	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
24	18154112	Trần Lê Phương	DH18OT			0,9	1,9	6,4	9,2	0012345678910	0123456789
25	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			0,9	1,9	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
26	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			1	1,9	4,3	7,2	0012345678910	0123456789
27	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			1	1,9	5,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			1	1,8	5	7,8	0012345678910	0123456789
29	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			1	1,9	6	8,9	0012345678910	0123456789
30	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			1	1,8	5,7	8,5	0012345678910	0123456789
31	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			1	1,8	6	8,8	0012345678910	0123456789
32	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01851

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)** Số Tín Ch **2**
 Nhóm Thi **DH18OT_01** Tổ Thi **001_DH18OT_01** Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**
 Ngày Thi **14/01/2021** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV201B**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			1	1,6	3,8	6,4	0012345678910	0123456789
34	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			1	1,7	3,6	6,3	0012345678910	0123456789
35	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			1	1,9	3,1	6	0012345678910	0123456789
36	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			1	1,8	6,2	9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 01

Ngày 28 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 nhh

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 01854

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			1	1,7	3,6	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			1	1,6	3,2	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			1	1,6	2,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			1	1,6	5,2	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			1	1,8	5,3	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			1	1,8	6,2	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			1	1,9	5,7	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			1	1,9	5,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118031	Trần Đức	DH19CK			1	1,9	5	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			1	1,8	5,2	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			1	1,9	4,3	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK			1	1,7	4,2	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			1	1,7	5,2	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			1	1,7	3,1	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			1	1,8	4,3	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01854

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			1	1,6	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
18	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK							0012345678910	0123456789
19	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			1	1,8	4,9	7,7	0012345678910	0123456789
20	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			1	1,6	5,2	7,8	0012345678910	0123456789
21	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			1	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
22	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK			0,9	1,6	4,6	7,1	0012345678910	0123456789
23	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			1	1,6	4,8	7,4	0012345678910	0123456789
24	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1	1,6	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
25	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT			1	1,8	6,2	9	0012345678910	0123456789
26	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			1	1,9	4,8	7,7	0012345678910	0123456789
27	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			1	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
28	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			1	1,9	4,9	7,8	0012345678910	0123456789
29	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			1	1,9	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
30	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			1	1,9	5,5	8,4	0012345678910	0123456789
31	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			0,6	1,5	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
32	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			0,8	1,8	5,2	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01854

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118128	Trần Thanh	Lộc			1	1,9	5,7	8,6	0012345678910	0123456789
34	19118129	Nguyễn Bá	Lợi			1	1,9	6,3	9,2	0012345678910	0123456789
35	19118137	Bùi Duy	Lũy			1	1,9	5,2	8,1	0012345678910	0123456789
36	19118143	Lê Công	Minh			1	1,9	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
37	19118144	Lê Trần Nhật	Minh			1	1,8	4,1	6,9	0012345678910	0123456789
38	15118065	Nguyễn Trúc	Minh			1	1,8	2,9	5,7	0012345678910	0123456789
39	19118147	Hoàng Phương	Nam			1	1,7	4,1	6,8	0012345678910	0123456789
40	19118148	Huỳnh Hoài	Nam			1	1,9	3,8	6,7	0012345678910	0123456789
41	19118149	Lâm Nhật	Nam			1	1,6	4,1	6,7	0012345678910	0123456789
42	19118151	Trần Duy Nhật	Nam			1	1,8	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
43	19118153	Nguyễn Minh	Nghĩa							0012345678910	0123456789
44	19118158	Lê Hoàng Minh	Ngọc			1	1,9	3,5	6,4	0012345678910	0123456789
45	19118167	Phạm Thế	Nhật			1	1,7	4,6	7,3	0012345678910	0123456789
46	19118168	Thân Văn	Nhớ			1	1,8	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
47	19118171	Trần Trường	Phát			1	1,7	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
48	19118183	Phạm Công	Phương			0,9	1,8	2,7	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01854

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			1	1,6	3,8	6,4	0012345678910	0123456789
50	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			0,8	1,6	3,6	6	0012345678910	0123456789
51	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1	1,7	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
52	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			1	1,9	6,4	9,3	0012345678910	0123456789
53	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			1	1,9	6,3	9,2	0012345678910	0123456789
54	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK							0012345678910	0123456789
55	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1	1,8	2	4,8	0012345678910	0123456789
56	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1	1,7	4,3	7	0012345678910	0123456789
57	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			1	1,7	2,9	5,6	0012345678910	0123456789
58	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK			1	1,7	2,7	5,4	0012345678910	0123456789
59	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			1	1,8	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
60	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1	1,9	4,3	7,2	0012345678910	0123456789
61	19118242	Phan Đặng Hoài Tình	DH19CK			1	1,9	4,1	7	0012345678910	0123456789
62	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			0,9	1,8	3,4	6,1	0012345678910	0123456789
63	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1	1,7	3,4	6,1	0012345678910	0123456789
64	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			1	1,9	5,2	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01854

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK	<i>Tuan</i>		1	1,5	4,8	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
66	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK	<i>Tuong</i>		1	1,8	3,8	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
67	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK	<i>Vu</i>		1	1,9	4,8	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
68	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK	<i>Quoc Viet</i>		1	1,9	4,3	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
69	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK	<i>Vinh</i>		1	1,8	2,9	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
70	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK	<i>Vu</i>		1	1,8	3,8	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 66 Số sinh viên vắng4

Ngày 28 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Kien

Phan Minh Kien

CBCT3

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 11/12/2020

Bùi Công Hành



Mã nhận dạng 01855

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CKC_04**

Tổ Thi **001_DH19CKC_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			1	1,9	5	7,9	00123456●8910	012345678●
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			1	1,8	4,6	7,4	00123456●8910	0123●56789
3	19118289	Bùi Quốc Đại	DH19CKC							●012345678910	0123456789
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			1	1,7	4,1	6,8	0012345●78910	01234567●9
5	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			1	1,6	5	7,6	00123456●8910	012345●789
6	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			1	1,7	5	7,7	00123456●8910	0123456●89
7	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			1	1,9	5,3	8,2	001234567●910	01●3456789
8	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			1	1,7	5,3	8	001234567●910	●123456789
9	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			0,9	1,7	4,7	7,3	00123456●8910	012●456789
10	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			1	1,8	4,7	7,5	00123456●8910	01234●6789
11	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			1	1,7	5,6	8,3	001234567●910	012●456789
12	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			0,8	1,5	4,3	6,6	0012345●78910	012345●789
13	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			1	1,9	5,6	8,5	001234567●910	01234●6789
14	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			1	1,8	4,7	7,5	00123456●8910	01234●6789



Mã nhận dạng 01855

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_04

Tổ Thi

001_DH19CKC_04

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13. Số sinh viên vắng 01.

Ngày 28 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính
Nguyễn Hữu Hòa

Th S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 01852

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_05**

Tổ Thi **001_DH19CC_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC	<i>Bảo</i>		1	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
2	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	<i>Ca</i>		1	1,8	2,9	5,7	0012345678910	0123456789
3	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	<i>Chiến</i>		1	1,8	5,2	8	0012345678910	0123456789
4	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	<i>Công</i>		1	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
5	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	<i>Dũng</i>		1	1,7	3,2	5,9	0012345678910	0123456789
6	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	<i>Dũng</i>		1	1,6	5,7	8,3	0012345678910	0123456789
7	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC	<i>Duy</i>		1	1,6	3,4	6	0012345678910	0123456789
8	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC	<i>Dương</i>		1	1,9	2,2	5,1	0012345678910	0123456789
9	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	<i>Đạo</i>		1	1,7	5,2	7,9	0012345678910	0123456789
10	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	<i>Đạt</i>		0,8	1,5	5,7	8	0012345678910	0123456789
11	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC	<i>Đạt</i>		0,9	1,7	5,3	7,9	0012345678910	0123456789
12	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC	<i>Đạt</i>		0,9	1,6	2,7	5,2	0012345678910	0123456789
13	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC	<i>Đạt</i>		1	1,6	2,7	5,3	0012345678910	0123456789
14	19118041	K' Đông	DH19CC	<i>Đông</i>		1	1,6	3,6	6,2	0012345678910	0123456789
15	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC	<i>Hào</i>		1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
16	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC	<i>Hoàng</i>		0,9	1,7	2,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01852

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_05**Tổ Thi **001_DH19CC_05**Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**Ngày Thi **14/01/2021**Giờ Thi **07:30**Phòng Thi **TV103**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118077	Phạm Văn Hoàng	DH19CC							0012345678910	0123456789
18	19118079	Trần Lê Phúc	HỘI			1	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
19	19118085	Đặng Minh	Huy			1	1,9	5,5	8,4	0012345678910	0123456789
20	19118087	Đỗ Quốc	Huy			1	1,7	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
21	19118095	Nguyễn Quang	Huy			1	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
22	19118084	Trần Trọng	Hữu			1	1,7	6	8,7	0012345678910	0123456789
23	19118102	Nguyễn Văn	Khá			1	1,9	6,2	9,1	0012345678910	0123456789
24	19118105	Lý Nhất	Khang			1	1,8	5,7	8,5	0012345678910	0123456789
25	19118107	Phạm Vĩnh	Khang			1	1,7	3,2	5,9	0012345678910	0123456789
26	19118117	Nguyễn Trường	Lâm			1	1,8	1,7	4,5	0012345678910	0123456789
27	19118125	Nguyễn Văn	Linh			1	1,7	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
28	19118131	Lê Hoàng	Long			1	1,9	5,5	8,4	0012345678910	0123456789
29	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân			1	1,5	5	7,5	0012345678910	0123456789
30	19118134	Lý Kim	Luân			1	1,8	5,5	8,3	0012345678910	0123456789
31	19118139	Đinh Minh	Mẫn			1	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
32	19118142	Đặng Nguyễn Nhật	Minh			1	1,6	4,3	6,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01852

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_05**Tổ Thi **001_DH19CC_05**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương ThảoNgày Thi **14/01/2021**Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118146	Thạch Minh	DH19CC	<i>Minh</i>		1	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
34	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	<i>Minh</i>		1	1,6	3,4	6	0012345678910	0123456789
35	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC	<i>Nam</i>		1	1,7	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
36	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC	<i>Nghĩa</i>		1	1,7	3,6	6,3	0012345678910	0123456789
37	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC	<i>Nhan</i>		0,9	1,5	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
38	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC	<i>Nhan</i>		1	1,9	6,4	9,3	0012345678910	0123456789
39	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC	<i>Ninh</i>		1	1,9	6,6	9,5	0012345678910	0123456789
40	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC	<i>Phong</i>		1	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
41	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC	<i>Phu</i>		1	1,7	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
42	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC	<i>Quynh</i>		1	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
43	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC	<i>Sang</i>		0,8	1,8	5,2	7,8	0012345678910	0123456789
44	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT							0012345678910	0123456789
45	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	<i>Tai</i>		1	1,7	5,3	8	0012345678910	0123456789
46	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC	<i>Tam</i>		1	1,7	3,9	6,6	0012345678910	0123456789
47	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC	<i>Tan</i>		1	1,6	5,2	7,8	0012345678910	0123456789
48	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	<i>Thanh</i>		1	1,7	5,3	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01852

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_05**Tổ Thi **001_DH19CC_05**Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**Ngày Thi **14/01/2021**Giờ Thi **07:30**Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	Thanh		1	1,7	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
50	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT	Uy		1	1,7	3,1	5,8	0012345678910	0123456789
51	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC	Thanh		1	1,8	5	7,8	0012345678910	0123456789
52	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC	Thao		1	1,6	5	7,6	0012345678910	0123456789
53	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	Nam		1	1,9	4,8	7,7	0012345678910	0123456789
54	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC	Thư		1	1,9	5,9	8,8	0012345678910	0123456789
55	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC	Minh		1	1,8	3,4	6,2	0012345678910	0123456789
56	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC	Toàn		0,8	1,6	5,7	8,1	0012345678910	0123456789
57	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC	Toán		1	1,8	6,3	9,1	0012345678910	0123456789
58	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC	Thiên		1	1,8	4,9	7,7	0012345678910	0123456789
59	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC	Trân		1	1,8	4,9	7,7	0012345678910	0123456789
60	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC	Trung		1	1,8	5,7	8,5	0012345678910	0123456789
61	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC	Trường		1	1,9	6,6	9,5	0012345678910	0123456789
62	19118265	Dương Hữu Tuấn	DH19CC	Tuấn						0012345678910	0123456789
63	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC	Tuấn		0,8	1,7	4,5	7	0012345678910	0123456789
64	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC	Vũ		0,8	1,7	5,6	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01852

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_05

Tổ Thi 001_DH19CC_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			1	1,7	4,2	6,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 62 Số sinh viên vắng 3.

Ngày 28 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh

Lê Văn Tuấn

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 01853

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**

Tổ Thi **001_DH19CC_06**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		1	1,8	4,2	7	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	M		1	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	B		1	1,8	4,2	7	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	B		1	1,8	6	8,8	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	B		1	1,8	2,8	5,6	0012345678910	0123456789
6	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK	V						0012345678910	0123456789
7	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	C		1	1,8	3,1	5,9	0012345678910	0123456789
8	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	V						0012345678910	0123456789
9	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC	C		0,8	0,7	2,7	4,2	0012345678910	0123456789
10	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	D		1	1,8	5,7	8,5	0012345678910	0123456789
11	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC	D		1	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
12	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC	B		1	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
13	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC	H		1	1,8	6,2	9	0012345678910	0123456789
14	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC	H		1	1,8	2,9	5,7	0012345678910	0123456789
15	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC	T		1	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
16	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC	L		1	1,8	5,7	8,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01853

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**Tổ Thi **001_DH19CC_06**Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**Ngày Thi **14/01/2021**Giờ Thi **07:30**Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154028	Phạm Tử Hùng	Hiếu	DH17OT	<i>Handwritten signature</i>	0,9	1,7	2,4	5	0012345678910	0123456789
18	17118036	Nguyễn Văn	Hiệu	DH17CK	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	6,3	9,1	0012345678910	0123456789
19	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK	<i>Handwritten signature</i>	0,7	1,5	2,8	5	0012345678910	0123456789
20	19118094	Nguyễn Nam	Huy	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
21	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	2,7	5,5	0012345678910	0123456789
22	19118082	Nguyễn Cao	Hưng	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	2,8	5,6	0012345678910	0123456789
23	19118101	Lê Duy	Kha	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
24	19118103	Mai Hoàng	KHải	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
25	19118104	Nguyễn Chí	KHải	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	5	7,8	0012345678910	0123456789
26	18118055	Lê Minh	Khang	DH18CK	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	3,1	5,9	0012345678910	0123456789
27	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
28	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	2,7	5,5	0012345678910	0123456789
29	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	4,2	7	0012345678910	0123456789
30	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
31	19118135	Trần Hữu	Luận	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	1	1,8	3,4	6,2	0012345678910	0123456789
32	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC	<i>Handwritten signature</i>	0,8	1,5	5,2	7,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01853

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_06**Tổ Thi **001_DH19CC_06**Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**Ngày Thi **14/01/2021**Giờ Thi **07:30**Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118159	Đình Quang Nguyên	DH19CC	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC	Trần Bá		0,8	1,6	3,9	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT	Lê Hoài		1	1,8	4,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC	Nguyễn Duy Trọng		1	1,6	4,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK	Nguyễn Thuận		1	1,6	4,8	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	Bùi Hoàng		0,9	1,8	4,2	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC	Nguyễn Trường		1	1,8	2	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC	Phạm Hoàng		1	1,6	2,7	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT	Phạm Gia		1	1,8	5,7	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC	Lê Đình		1	1,8	4,6	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC	Bùi Nguyễn		1	1,8	4,2	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC	Nguyễn Ngọc		1	1,7	5,3	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC	Phan Trung						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC	Lâm Thanh		1	1,7	3,6	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC	Trần Thành		1	1,8	5,3	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC	Phạm Vũ Nhật		1	1,7	5	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01853

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_06

Tổ Thi 001_DH19CC_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118243	Nguyễn Tấn	Tĩnh	Nguyễn Tấn		1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789
50	19118244	Nguyễn Phúc	To Ai	Nguyễn Phúc		1	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
51	19118247	Trương Hữu	Toàn	Trương Hữu		1	1,8	2,8	5,6	0012345678910	0123456789
52	19118254	Huỳnh Như	Trọng	Huỳnh Như		0,9	1,8	5,3	8	0012345678910	0123456789
53	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	Nguyễn Nhật		1	1,7	4,8	7,5	0012345678910	0123456789
54	19118263	Võ Văn	Tư	Võ Văn		1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789
55	19118279	Bùi Bá	Vũ	Bùi Bá		1	1,8	2,8	5,6	0012345678910	0123456789
56	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	Lâm Tuấn		1	1,8	4,3	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng 4

Ngày 28 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

V.V. Kiệp

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 11/12/2020



Mã nhận dạng 01856

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CKC_01

Tổ Thi 001_DH20CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118120	ĐẶNG QUỐC BẢO	DH20CKC	Bảo		8,0	5,9	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
2	20118127	NGUYỄN VIỆT NGUYỄN CHUÔNG	DH20CKC	Cu		10	5,9	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
3	20118145	DƯƠNG NGUYỄN VIỆT DŨNG	DH20CKC	Dũng		8,0	5,0	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
4	20118151	Phùng khánh Duy	DH20CKC	P		8,0	6,6	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	20118152	VŨ TƯỜNG DUY	DH20CKC	W		2,0	0	7,8	4,9	0012345678910	0123456789
6	20118153	LÊ PHAN MINH HẢI	DH20CKC	M		10	5,4	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
7	20118177	VÕ PHÚC HUY	DH20CKC	F		6,0	5,1	7,8	6,8	0012345678910	0123456789
8	20118185	BÙI VÕ TRUNG KIẾN	DH20CKC							0012345678910	0123456789
9	20152009	VŨ ĐẶNG TUẤN KIẾT	DH20CKC	T		8,0	8,4	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
10	20118089	THÁI TẤN LỘC	DH20CKC	L		10	6,6	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
11	20118190	LÊ VĨNH LỢI	DH20CKC	V		6,0	6,6	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
12	20118191	NGUYỄN ĐỨC LỢI	DH20CKC	D		10	5,0	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
13	20118199	CHU PHUONG NAM	DH20CKC	Nam		10	6,5	6,8	7,0	0012345678910	0123456789
14	20118205	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	DH20CKC	N		10	4,5	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
15	20118226	ĐÀO SĨ PHONG	DH20CKC	P		10	8,1	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
16	20118238	ĐỖ MINH QUANG	DH20CKC	Q		8,0	7,7	4,3	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01856

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CKC_01

Tổ Thi 001_DH20CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118249	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CKC			10	85	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
18	20118259	TRẦN NGỌC THIÊN	DH20CKC							0012345678910	0123456789
19	20118095	TRẦN GIA	DH20CKC			10	6,7	7,3	7,4	0012345678910	0123456789
20	20118281	LÊ ANH	DH20CKC			10	8,3	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
21	20118283	NGUYỄN MẠNH TÙNG	DH20CKC							0012345678910	0123456789
22	20118288	LƯƠNG NHẬT TRẦN VINH	DH20CKC			10	8,6	8,3	8,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 19 Số sinh viên vắng3

Ngày 19 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01873

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **001_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			10	9,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
2	19115001	Hà Nguyễn Hoàng An	DH19GN			8,0	7,4	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	17154004	Nguyễn Ngọc Đoàn Anh	DH17OT			8,0	8,0	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
4	19115002	Chung Thiên Ân	DH19GN			8,0	7,6	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
5	19115008	Hà Thế Bảo	DH19GN			8,0	7,0	5,3	6,1	0012345678910	0123456789
6	19115009	Lê Nguyễn Bảo	DH19CB			8,0	6,0	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
7	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			10	7,4	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
8	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			8,0	6,3	5,3	5,9	0012345678910	0123456789
9	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			8,0	6,2	5,3	5,8	0012345678910	0123456789
10	16153005	Võ Thái Công	DH16CD			10	8,2	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
11	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			8,0	7,0	8,3	7,9	0012345678910	0123456789
12	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			8,0	7,7	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
13	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC			6,0	6,5	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
14	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			9	6,8	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
15	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			10	7,7	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
16	19115020	Huỳnh Ngọc Đông	DH19CB			8,0	6,1	8,3	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01873

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **001_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118041	K' Đông	DH19CC			8,0	7,8	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
18	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			10	8,4	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
19	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			10	7,4	6,3	7,0	0012345678910	0123456789
20	19115027	Lưu Huyết Giang	DH19GN			6,0	8,0	5,8	6,5	0012345678910	0123456789
21	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			6,0	5,3	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
22	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			4,0	3,3	2,8	3,1	0012345678910	0123456789
23	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT			10	8,0	4,3	6,0	0012345678910	0123456789
24	19115030	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	DH19CB			8,0	6,1	3,8	4,9	0012345678910	0123456789
25	19115029	Trần Nguyễn Gia Hân	DH19GN			8,0	7,0	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
26	19115033	Nguyễn Trung Hiếu	DH19CB			8,0	7,3	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
27	19115035	Phạm Thị Minh Hiếu	DH19GN			9	5,8	3,8	4,0	0012345678910	0123456789
28	17115037	Võ Lê Hoàng Hiếu	DH17GN			8,0	6,6	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
29	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			8,0	4,4	5,0	5,1	0012345678910	0123456789
30	19115041	Dương Đình Hùng	DH19GN			8,0	6,3	2,8	4,4	0012345678910	0123456789
31	19115048	Mạc Duy Huy	DH19GN			4,0	9	3,5	2,5	0012345678910	0123456789
32	19115050	Vương Quốc Huy	DH19GN			9	6,4	4,0	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01873

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **001_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			8,0	6,2	3,3	4,6	0012345678910	0123456789
34	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			10	6,9	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
35	19115045	Võ Hoàng Nguyên Hưng	DH19CB			8,0	6,3	2,8	4,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Hữu Hòa

TS. Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01874

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **002_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19115046	Nguyễn Thị Thu	Hương	<i>Hương</i>		40	7,2	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
2	19115047	Vũ Thị	Hường	<i>Hương</i>		6,0	6,5	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
3	17154038	Lê Tuấn	Khang	<i>Chung</i>		8,0	7,2	2,8	4,0	0012345678910	0123456789
4	17154039	Phạm Hoàng	Khang	<i>Hoàng</i>		4,0	6,5	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
5	17154042	Nguyễn Quốc	Khánh	<i>Quốc</i>		8,0	7,2	6,8	7,0	0012345678910	0123456789
6	17118051	Nguyễn Trung	Kiên	<i>Kiên</i>		10	7,8	7,8	8,0	0012345678910	0123456789
7	19115056	Nguyễn Đình	Lâm	<i>Đình</i>		6,0	6,3	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	19115057	Lê Thị Thùy	Linh	<i>Linh</i>		8,0	5,6	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
9	19115058	Lê Yến	Linh	<i>Yến</i>		8,0	5,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	19115060	Phạm Nguyễn Tấn	Lộc	<i>Tấn</i>		6,0	7,0	5,8	6,2	0012345678910	0123456789
11	19115068	Hồ Thị Phương	Mai							0012345678910	0123456789
12	19115070	Bùi Văn	Mạnh	<i>Mạnh</i>		10	7,9	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	19115071	Nguyễn Đức	Mạnh	<i>Đức</i>		9	7,9	4,0	4,5	0012345678910	0123456789
14	19118142	Đặng Nguyễn Nhật	Minh							0012345678910	0123456789
15	15118065	Nguyễn Trúc	Minh	<i>Trúc</i>		8,0	7,5	6,8	7,1	0012345678910	0123456789
16	19118146	Thạch	Minh	<i>Thạch</i>		8,0	6,6	4,5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01874

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **002_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19115072	Võ Công Minh	DH19GN			4,0	7,9	6,3	6,6	0012345678910	0123456789
18	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			10	8,1	9,3	9,0	0012345678910	0123456789
19	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			8,0	2,8	3,5	3,7	0012345678910	0123456789
20	17154061	Phan Thị Hoài	DH17OT			6,0	7,4	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
21	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			6,0	7,4	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
22	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			6,0	5,2	3,8	4,4	0012345678910	0123456789
23	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT			6,0	5,6	3,3	4,3	0012345678910	0123456789
24	19115086	Lê Công Phát	DH19CB			8,0	6,9	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
25	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			8,0	7,8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
26	19115091	Lê Duy Phương	DH19CB			10	5,5	3,8	4,9	0012345678910	0123456789
27	19115093	Lê Thị Thu Phương	DH19GN			8,0	7,7	5,3	6,3	0012345678910	0123456789
28	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			8,0	7,2	6,8	7,0	0012345678910	0123456789
29	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT			6,0	3,1	2,3	2,9	0012345678910	0123456789
30	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD			6,0	3,8	2,0	2,9	0012345678910	0123456789
31	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			8,0	6,6	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
32	19115096	Trần Thị Lệ Quyên	DH19GN			4,0	5,5	3,2	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01874

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **002_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19115098	Vi Nguyễn Như Quỳnh	DH19GN			4,0	3,3	4,8	4,3	0012345678910	0123456789
34	19115099	Phạm Thị Sang	DH19GN			8,0	7,4	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
35	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			8,0	5,2	2,8	4,0	0012345678910	0123456789
36	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			10	7,3	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
37	19115106	Hồ Quốc Thái	DH19GN							0012345678910	0123456789
38	19115107	Nguyễn Mai Nam	DH19GN			8,0	3,7	2,5	3,4	0012345678910	0123456789
39	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			8,0	2	1,5	1,7	0012345678910	0123456789
40	19164025	Nguyễn Thị Thanh Thảo	DH19CB			8,0	7,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
41	19115111	Phạm Thị Thanh Thảo	DH19CB			6,0	5,3	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
42	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			8,0	6,1	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
43	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT			4,0	6,0	7,8	6,9	0012345678910	0123456789
44	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			6,0	7,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
45	19115113	Bạch Phước Thiện	DH19CB			8,0	7,2	8,8	8,2	0012345678910	0123456789
46	15115154	Trần Đức Thiện	DH15CB			9	5,6	3,8	4,0	0012345678910	0123456789
47	19115115	Vương Văn Thiện	DH19CB			8,0	7,0	4,8	5,8	0012345678910	0123456789
48	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			8,0	3,6	3,8	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01874

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **002_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			10	7,5	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
50	19115123	Nguyễn Duy Thuận	DH19CB			6,0	4,1	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
51	19115122	Trần Ngọc Minh Thư	DH19GN			6,0	5,1	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
52	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			8,0	6,9	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
53	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			10	7,3	8,3	8,2	0012345678910	0123456789
54	18115106	Nguyễn Thị Thùy Trang	DH18CB			10	4,6	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
55	19115132	Hà Minh Trí	DH19GN							0012345678910	0123456789
56	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			6,0	5,8	8,0	7,1	0012345678910	0123456789
57	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			8,0	8,3	7,8	8,0	0012345678910	0123456789
58	19115135	Võ Trần Đình Trung	DH19GN			8,0	6,5	3,8	5,0	0012345678910	0123456789
59	19115136	Trần Nhật Trường	DH19CB			6,0	4,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
60	19118265	Đương Hữu Tuấn	DH19CC							0012345678910	0123456789
61	15115193	Trần Minh Tuấn	DH15CB							0012345678910	0123456789
62	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			8,0	6,9	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
63	19115142	Lê Đình Văn	DH19CB			8,0	7,7	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
64	17115134	Trần Thị Hồng Vân	DH17GN			8,0	7,1	4,0	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01874

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19GB_01**

Tổ Thi **002_DH19GB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17115136	Huỳnh Tùng Vũ	DH17GN			4,0	6,5	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
66	19115146	Nguyễn Văn Thành	DH19GN			8,0	7,4	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
67	19115150	Nguyễn Tường Mai	DH19GN			8,0	7,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 01. Số sinh viên vắng 6....

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Thị Phương Thảo

Lê Văn Hùng

TS. Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01875

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **001_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	NGUYỄN DUY AN	DH20CK			8,0	5,4	4,3	3,2	0012345678910	0123456789
2	20118115	ĐÌNH THẾ ANH	DH20CC			10	7,8	6,3	7,1	0012345678910	0123456789
3	20118122	TRẦN QUỐC BẢO	DH20CC							0012345678910	0123456789
4	20118118	VÕ NGUYỄN VĂN HOÀI BẮC	DH20CC			8,0	7,1	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
5	20153003	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	DH20CD			10	8,1	8,3	8,4	0012345678910	0123456789
6	20118124	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH20CC			10	7,4	7,8	7,9	0012345678910	0123456789
7	20118125	TRẦN THANH BÌNH	DH20CK			10	7,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
8	20118128	NGÔ QUỐC CƯỜNG	DH20CK			8,0	5,1	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
9	20118138	NGUYỄN TUẤN DIỆU	DH20CC			10	7,1	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
10	20118146	MA TRỌNG DŨNG	DH20CK			4,0	7,1	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
11	20118147	NGUYỄN TÂN DŨNG	DH20CK			6,0	6,9	1,8	3,8	0012345678910	0123456789
12	20118011	ĐẶNG HỮU MINH DUY	DH20CK			10	5,4	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
13	20118149	NGUYỄN VĂN DUY	DH20CK			10	7,3	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
14	20118150	PHẠM HOÀNG ĐÔNG DUY	DH20CK			10	4,4	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
15	20118132	NGUYỄN GIA ĐẠT	DH20CC			10	6,2	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
16	20118134	NGUYỄN TÂN ĐẠT	DH20CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01875

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **001_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118136	VÕ THÁI ĐẠT	DH20CK	<i>Đạt</i>		8,0	5,5	4,0	3,1	0012345678910	0123456789
18	20118129	LÊ HẢI ĐĂNG	DH20CK	<i>Hải</i>		4,0	7,3	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
19	20118130	TRẦN MINH ĐĂNG	DH20CK	<i>Minh</i>		8,0	7,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
20	20118142	ĐỖ HOÀNG ĐỨC	DH20CK	<i>Đức</i>		8,0	7,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
21	20118143	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH20CK	<i>Anh</i>		8,0	6,8	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
22	20118144	PHẠM MINH ĐỨC	DH20CK	<i>Minh</i>		8,0	3,8	3,0	3,7	0012345678910	0123456789
23	20118154	NGUYỄN XUÂN HẢI	DH20CK	<i>Hải</i>		6,0	5,3	2,3	3,6	0012345678910	0123456789
24	20118019	NGUYỄN VÕ ANH HÀO	DH20CC	<i>Ah</i>		4,0	6,9	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
25	20118156	ĐẶNG CHÁNH HẬU	DH20CC	<i>Hậu</i>		4,0	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
26	20118164	TRẦN TRUNG HIẾU	DH20CK	<i>Hiếu</i>		4,0	8,3	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
27	20118158	BÙI VINH HIỀN	DH20CC	<i>Hiền</i>		8,0	4,6	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
28	20118159	NGUYỄN ĐOÀN THANH HIỀN	DH20CK	<i>Hiền</i>		4,0	5,7	2,1	4,0	0012345678910	0123456789
29	20118160	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CK	<i>Hiếu</i>		4,0	8,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
30	20118161	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CC	<i>Hiếu</i>		8,0	7,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
31	20118162	NGUYỄN VÕ XUÂN HIẾU	DH20CC	<i>Hiếu</i>		8,0	6,6	2,8	4,5	0012345678910	0123456789
32	20118165	TRẦN VĂN HIẾU	DH20CC	<i>Hiếu</i>		8,0	7,1	2,8	4,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01875

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **001_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118166	LÂM LONG HỒ	DH20CK			10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
34	20118169	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH20CK			6,0	7,2	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
35	20118172	NGUYỄN BÁ HUỠ	DH20CK			8,0	5,4	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
36	20118173	NGUYỄN MẠNH HUỠ	DH20CK			6,0	4,5	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
37	20118175	PHAN LÊ NGỌC HUỠ	DH20CK			8,0	6,7	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
38	20118176	VÕ ĐỨC PHÁT HUỠ	DH20CK			10	5,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
39	20118178	NGUYỄN VĂN HUỠNH	DH20CC							0012345678910	0123456789
40	20118170	NGUYỄN BÌNH HÙNG	DH20CK			10	5,2	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
41	20118181	NGUYỄN HOÀNG KHANG	DH20CK			8,0	5,2	3,0	4,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 28. Số sinh viên vắng 03

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Nghi

Lê Quang Vinh

TS. Đại Học Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 11/12/2020



Mã nhận dạng 01876

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **002_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118182	LÊ MINH KHANH	DH20CK			8,0	6,4	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
2	20118033	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	DH20CK			8,0	3,2	1,3	2,5	0012345678910	0123456789
3	20118184	VÕ VIỆT KHIÊM	DH20CC			8,0	6,6	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
4	20153016	ĐỖ MINH KHOA	DH20CD			8,0	5,6	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
5	20118186	TRẦN VĂN KIÊN	DH20CC			8,0	5,9	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
6	20118187	TRẦN TUẤN KIẾT	DH20CK			8,0	8,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
7	20118189	NGÔ HÀ NHẬT LINH	DH20CC			10	5,6	2,8	4,4	0012345678910	0123456789
8	20118193	ĐẶNG NGỌC LONG	DH20CC			8,0	5,4	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
9	20118194	NGUYỄN MINH PHI LONG	DH20CK			6,0	6,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
10	20118192	TRẦN DANH LỢI	DH20CC			8,0	6,6	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	20118195	HỒ QUANG LUÝT	DH20CK			8,0	4,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
12	20118197	VŨ TRƯỜNG MANH	DH20CK			10	4,2	2,3	3,6	0012345678910	0123456789
13	20118196	NGUYỄN MINH MÃN	DH20CC			10	6,6	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
14	20118198	VÕ QUỐC MINH	DH20CK			10	2,7	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
15	20118206	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH20CC			10	7,3	5,3	6,4	0012345678910	0123456789
16	20118207	TRẦN MINH NGHĨA	DH20CK			6,0	5,7	2,8	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01876

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **002_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118209	TRẦN THÁI NGỌC	DH20CK	<i>Ngọc</i>		8,0	6,3	3,3	4,7	0012345678910	0123456789
18	20118210	ĐÀO NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	DH20CK	<i>Trung</i>		10	6,8	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
19	20118211	ĐÌNH THANH NHÃ	DH20CK	<i>Thanh</i>		10	7,6	3,8	5,6	0012345678910	0123456789
20	20118212	LÊ THANH NHÂN	DH20CK	<i>Nhân</i>		10	4,6	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
21	20118214	NGUYỄN LÊ TRỌNG NHÂN	DH20CK	<i>Nhân</i>		10	7,4	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
22	20118215	PHAN VĂN NHẬT	DH20CK	<i>Nhật</i>		8,0	6,3	3,3	4,7	0012345678910	0123456789
23	20118216	THIÊN HOÀNG NHẬT	DH20CC	<i>Nhật</i>		8,0	0	0	0,8	0012345678910	0123456789
24	20118218	VÕ THÀNH PHÁP	DH20CC	<i>Pháp</i>		8,0	6,1	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
25	20118221	DƯƠNG TÂN PHÁT	DH20CC	<i>Phát</i>		10	7,1	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
26	20118222	DƯƠNG TUẤN PHÁT	DH20CK	<i>Phát</i>		10	6,3	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
27	20118220	ĐỖ MINH PHÁT	DH20CC	<i>Phát</i>		10	6,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
28	20118223	PHAN KIM PHÁT	DH20CK	<i>Phát</i>		0	3,5	2,5	2,6	0012345678910	0123456789
29	20118224	PHAN THÀNH PHÁT	DH20CK	<i>Phát</i>		10	7,9	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
30	20118225	TRẦN NHẬT PHÁT	DH20CK	<i>Phát</i>		8,0	3,0	3,3	3,7	0012345678910	0123456789
31	20118227	ĐỖ THÀNH PHONG	DH20CK	<i>Phong</i>		8,0	3,7	4,5	2,8	0012345678910	0123456789
32	20118229	MAI TRỌNG PHÚ	DH20CC	<i>Phú</i>		10	6,0	6,8	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01876

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **002_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118230	UNG A PHÚ	DH20CC			8,0	7,4	7,3	7,4	0012345678910	0123456789
34	20118231	ĐẶNG PHƯỚC HOÀI PHÚC	DH20CC			8,0	7,0	7,3	7,3	0012345678910	0123456789
35	20118232	HUỖNH TRỌNG PHÚC	DH20CC			10	6,1	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
36	20118233	NGUYỄN NGỌC DUY PHÚC	DH20CK							0012345678910	0123456789
37	20118107	PHẠM ĐÌNH PHÚC	DH20CK			8,0	5,9	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
38	20118234	TRẦN HÙNG PHỤNG	DH20CC			8,0	6,7	4,8	5,7	0012345678910	0123456789
39	20118054	VÕ DUY PHƯƠNG	DH20CC			10	6,8	5,8	6,5	0012345678910	0123456789
40	20118235	VÕ HOÀI PHƯƠNG	DH20CK			10	6,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
41	20118059	NGÔ HOÀNG TÂM	DH20CC			10	6,3	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
42	20153042	PHẠM NHẬT UY	DH20CD			10	6,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

Ngày 11/12/2020
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

TS. Lê Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01881

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_07**

Tổ Thi **001_DH20OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH20OT			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
2	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH20OT			8,0	7,2	3,8	5,2	0012345678910	0123456789
3	20154171	NGUYỄN TRỌNG NGHỊ	DH20OT			10	8,6	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
4	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH20OT			6,0	6,1	4,3	5,0	0012345678910	0123456789
5	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH20OT			8,0	6,6	4,8	5,7	0012345678910	0123456789
6	20154174	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	DH20OT			8,0	7,2	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
7	20154175	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH20OT			8,0	7,0	4,3	5,5	0012345678910	0123456789
8	20154178	NGUYỄN VĂN NHỰT NGUYỄN	DH20OT			6,0	7,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
9	20154179	TRƯƠNG QUỐC NGUYỄN	DH20OT			10	7,6	5,8	6,8	0012345678910	0123456789
10	20154181	PHẠM HOÀNG NHÂN	DH20OT			8,0	5,6	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
11	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH PHÁT	DH20OT			8,0	7,5	7,3	7,4	0012345678910	0123456789
12	20120077	ĐÌNH CÔNG ĐẠI PHÁT	DH20OT			8,0	5,4	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
13	20154185	PHAN TRẦN HOÀNG PHÁT	DH20OT							0012345678910	0123456789
14	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH20OT			10	7,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
15	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH20OT			8,0	6,7	2,8	4,5	0012345678910	0123456789
16	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH20OT			6,0	7,3	8,3	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01881

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_07**

Tổ Thi **001_DH20OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154189	CAO THẾ PHÚ	DH20OT	<i>Phu</i>		10	6,7	1,8	4,1	0012345678910	0123456789
18	20153110	BÙI ĐỨC PHÚC	DH20CD	<i>Phuc</i>		6,0	4,4	1,8	3,0	0012345678910	0123456789
19	20153111	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	DH20CD							0012345678910	0123456789
20	20153112	ĐOÀN HOÀNG PHÚC	DH20CD	<i>Phuc</i>		8,0	5,3	2,8	4,1	0012345678910	0123456789
21	20153113	LÊ VĂN PHÚC	DH20CD	<i>Phuc</i>		8,0	5,6	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
22	20154191	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH20OT	<i>Phuc</i>		10	7,9	5,8	6,9	0012345678910	0123456789
23	20154193	THÁI TRẦN HỒNG PHÚC	DH20OT	<i>Phu</i>		10	3,7	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
24	20154194	NGUYỄN DIỆU PHỤNG	DH20OT	<i>Phu</i>		8,0	7,4	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
25	20153114	NGUYỄN TRẦN QUANG PHƯỚC	DH20CD	<i>Phuoc</i>		8,0	5,5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
26	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH20OT	<i>Phuoc</i>		8,0	5,7	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
27	20154196	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH20OT	<i>Phuong</i>		6,0	5,0	4,3	4,7	0012345678910	0123456789
28	20154201	HUỲNH NGỌC QUANG	DH20OT	<i>Quang</i>		8,0	8,3	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
29	20154202	NGUYỄN THẾ QUANG	DH20OT	<i>Quang</i>		10	7,0	4,8	6,0	0012345678910	0123456789
30	20154197	ĐỖ ANH QUÂN	DH20OT	<i>Quan</i>		8,0	6,0	4,8	5,5	0012345678910	0123456789
31	20154198	ĐỖ HOÀNG QUÂN	DH20OT	<i>Quan</i>		10	5,9	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
32	20154200	NGUYỄN MẠNH QUÂN	DH20OT	<i>Quan</i>		8,0	4,9	0,5	2,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01881

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_07**

Tổ Thi **001_DH20OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154203	HỒ VĂN NGỌC	QUÍ	DH20OT		8,0	6,8	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
34	20153116	PHẠM MẠNH	QUỐC	DH20CD		6,0	4,1	4,8	4,7	0012345678910	0123456789
35	20154205	TRẦN HỮU	QUỐC	DH20OT		8,0	5,5	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
36	20154206	HUỖNH AN	QUYÊN	DH20OT		8,0	6,7	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
37	20154207	NGUYỄN THẾ	QUYÊN	DH20OT		8,0	7,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
38	20154208	ĐÀO MINH	QUYẾT	DH20OT		10	7,7	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
39	20154209	TRẦN CHÍ	QUYẾT	DH20OT		10	6,8	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
40	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU	SANG	DH20OT		6,0	6,3	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
41	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT	SANG	DH20OT		8,0	5,0	3,3	4,3	0012345678910	0123456789
42	20154212	NGUYỄN THANH	SANG	DH20OT		8,0	4,2	5,3	5,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10 Số sinh viên vắng 2

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01882

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_07**

Tổ Thi **002_DH20OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154213	NGUYỄN TIẾN SĨ	DH20OT			6,0	7,7	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
2	20154214	TRẦN TÂN TÀI	DH20OT			10	8,6	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
3	20154215	NGUYỄN NHÂN TÂM	DH20OT							0012345678910	0123456789
4	20153118	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CD			10	7,4	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
5	20154216	HUỖNH DUY TÂN	DH20OT			10	6,5	1,8	4,0	0012345678910	0123456789
6	20153119	TÔ THÀNH TÂN	DH20CD			8,0	7,2	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
7	20153122	ĐOÀN TRUNG THÀNH	DH20CD			10	7,2	4,8	6,0	0012345678910	0123456789
8	20154218	NGUYỄN QUANG THÀNH	DH20OT			8,0	7,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
9	20154219	NGUYỄN TIẾN THẠNH	DH20OT			8,0	5,9	1,8	3,7	0012345678910	0123456789
10	20153123	NGUYỄN NHẬT THI	DH20CD			8,0	5,6	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
11	20153124	NHAN THANH THIÊN	DH20CD			8,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
12	20154220	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	DH20OT			10	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
13	20154221	NGUYỄN THANH THIÊN	DH20OT			10	7,2	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
14	20154222	PHAN HỮU THIÊN	DH20OT			10	8,2	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
15	20153125	HỒ VĂN THỊNH	DH20CD			8,0	6,6	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
16	20153126	TRẦN TRƯƠNG MINH THỐNG	DH20CD			6,0	6,0	2,8	4,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01882

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_07

Tổ Thi 002_DH20OT_07

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154224	CHAU CHANH THU	DH20OT			10	9,1	9,0	9,1	00012345678910	0123456789
18	20154225	NGUYỄN BẢO THUẬN	DH20OT			8,0	7,2	5,3	6,1	00012345678910	0123456789
19	20154226	NGUYỄN ĐẶNG TIỀN	DH20OT			10	7,4	5,0	6,2	00012345678910	0123456789
20	20153128	NGUYỄN XUÂN TIẾN	DH20CD			8,0	5,6	1,5	3,4	00012345678910	0123456789
21	20154227	NGUYỄN BẢO TÍN	DH20OT			8,0	4,0	3,3	4,0	00012345678910	0123456789
22	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH20OT			8,0	7,0	3,5	5,0	00012345678910	0123456789
23	20153130	NGUYỄN HOÀNG KIM TOÀN	DH20CD							00012345678910	0123456789
24	20153131	TRẦN NGUYỄN NHẬT TRÀ	DH20CD			10	7,9	4,3	6,0	00012345678910	0123456789
25	20154229	NGUYỄN QUỐC TRÃI	DH20OT			10	7,7	6,5	7,2	00012345678910	0123456789
26	20154230	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH20OT			6,0	6,0	7,0	6,6	00012345678910	0123456789
27	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH20OT			8,0	7,9	7,0	7,4	00012345678910	0123456789
28	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH20OT			8,0	6,9	5,8	6,4	00012345678910	0123456789
29	20154233	ĐỖ NGỌC TRIẾT	DH20OT			6,0	6,4	2,8	4,2	00012345678910	0123456789
30	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH20OT			8,0	7,5	4,5	5,8	00012345678910	0123456789
31	20154235	NGUYỄN HỒ QUỐC TRUNG	DH20OT			8,0	7,8	5,3	6,3	00012345678910	0123456789
32	20153132	NGUYỄN TÂN TRUNG	DH20CD			10	8,0	8,5	8,5	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01882

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_07**

Tổ Thi **002_DH20OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV103**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154236	BÙI VĂN	TRƯỜNG	<i>Trường</i>		8,0	5,8	4,8	5,4	0012345678910	0123456789
34	20154237	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	<i>Trường</i>		10	8,7	8,8	8,9	0012345678910	0123456789
35	20153133	LƯƠNG ANH	TÚ	<i>W</i>		8,0	8,1	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
36	20154238	LÊ HOÀNG	TUẤN	<i>Tuấn</i>		8,0	7,4	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
37	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn	<i>Hiem</i>		8,0	7,6	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
38	20154239	PHẠM MINH	TUẤN	<i>Tuấn</i>		10	6,6	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
39	20154240	TRẦN NHẬT	TUẤN	<i>HL</i>		8,0	7,6	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
40	20153134	TRIỆU ANH	TUẤN	<i>Tuấn</i>		8,0	6,1	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
41	20154241	TRƯƠNG QUANG	TUẤN	<i>HL</i>		10	7,4	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
42	20154242	CAO TRỌNG	VĂN	<i>HL</i>		10	8,2	6,0	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 0

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi-1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày in : 11/12/2020

Lê Văn Hiền

TS. Lê Văn Hiền

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01877

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_08**

Tổ Thi **001_DH20CK_08**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17115001	Nguyễn Thành An	DH17CB			8,0	7,4	8,8	8,3	0012345678910	0123456789
2	17115004	Đoàn Văn Bảo	DH17GN			6,0	5,4	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
3	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			6,0	4,5	8,3	6,9	0012345678910	0123456789
4	20153072	ĐỖ MẠNH DŨNG	DH20CD			8,0	6,6	4,8	5,7	0012345678910	0123456789
5	20153073	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH20CD			8,0	7,3	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
6	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			8,0	7,9	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
7	20153070	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	DH20CD			8,0	4,7	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
8	17115017	Lê Quý Đô	DH17GN			8,0	5,6	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
9	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			8,0	8,3	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
10	20153071	VŨ A	DH20CD			6,0	7,0	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
11	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			8,0	6,8	7,3	7,2	0012345678910	0123456789
12	20153075	NGUYỄN CHÍ HIẾU	DH20CD			6,0	6,6	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
13	20153076	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH20CD			8,0	6,8	3,3	4,8	0012345678910	0123456789
14	20153078	VÕ MINH HIẾU	DH20CD			8,0	7,6	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
15	20153079	HOÀNG TRỌNG HÒA	DH20CD			8,0	7,8	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
16	20153080	ĐOÀN HUY HOÀNG	DH20CD			8,0	6,4	7,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01877

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_08**

Tổ Thi **001_DH20CK_08**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153081	VŨ ĐÌNH HOÀNG	DH20CD			8,0	7,4	7,8	7,7	0012345678910	0123456789
18	20153083	TRỊNH PHI HỒNG	DH20CD			8,0	7,3	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
19	20153082	NGUYỄN THANH HON	DH20CD			8,0	7,8	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
20	20153084	VÕ PHI HÙNG	DH20CD			8,0	7,7	8,8	8,4	0012345678910	0123456789
21	20153087	HỒ GIA HUY	DH20CD			8,0	6,7	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
22	20153088	LÝ QUỐC HUY	DH20CD			8,0	4,3	3,3	4,1	0012345678910	0123456789
23	20153089	TRƯƠNG NGÔ MINH HUY	DH20CD			8,0	3,7	0,5	2,2	0012345678910	0123456789
24	20153091	NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM	DH20CD			6,0	7,0	8,3	7,7	0012345678910	0123456789
25	20153092	NGUYỄN EM HOÀNG KHOA	DH20CD			8,0	5,7	3,8	4,8	0012345678910	0123456789
26	20153093	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH20CD			8,0	7,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
27	20153094	NGUYỄN ANH KIẾT	DH20CD			8,0	4,5	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
28	20153095	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	DH20CD			8,0	4,7	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
29	20153096	LÊ THANH LỘC	DH20CD			8,0	8,1	8,3	8,2	0012345678910	0123456789
30	20153097	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			8,0	6,5	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
31	20153098	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			8,0	4,8	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
32	20153099	NGUYỄN HỮU LÝ	DH20CD			6,0	5,3	1,8	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01877

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_08**

Tổ Thi **001_DH20CK_08**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20153103	TRẦN THUYẾT MINH	DH20CD			8,0	7,7	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
34	20153104	NGUYỄN HOÀI NAM	DH20CD			8,0	5,8	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
35	19118159	Đình Quang Nguyên	DH19CC							0012345678910	0123456789
36	20153106	LÊ THÀNH NHẬT	DH20CD			8,0	6,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
37	20153107	HỒ GIA PHONG	DH20CD			10	8,8	6,3	7,4	0012345678910	0123456789
38	20153108	TẠ CHIÊU PHONG	DH20CD			8,0	6,4	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
39	20153109	TRẦN VĨNH PHÚ	DH20CD			6,0	7,1	4,3	5,3	0012345678910	0123456789
40	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			6,0	5,8	3,3	4,3	0012345678910	0123456789
41	20118257	NGUYỄN PHÚ THÀNH	DH20CK			6,0	0	0,5	0,9	0012345678910	0123456789
42	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			8,0	5,7	5,3	5,7	0012345678910	0123456789
43	20118258	UNG NGỌC THÀNH	DH20CK			8,0	7,6	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
44	20118253	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	DH20CC			8,0	0	1,0	1,4	0012345678910	0123456789
45	20118254	NGUYỄN MINH THẮNG	DH20CC			8,0	7,3	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
46	20118255	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH20CK			6,0	0	0,8	1,1	0012345678910	0123456789
47	20118260	NGUYỄN VĂN THỊNH	DH20CC			8,0	0	0,8	1,3	0012345678910	0123456789
48	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			8,0	7,3	5,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01877

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_08**

Tổ Thi **001_DH20CK_08**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20118262	LƯU CHÍ THÔNG	DH20CC			8,0	6,8	4,3	5,4	0012345678910	0123456789
50	20118263	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	DH20CK			8,0	7,1	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
51	20118264	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	DH20CK			8,0	6,6	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
52	20118265	ĐẶNG VĂN THUẬN	DH20CC			8,0	6,9	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
53	20118267	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	DH20CC			6,0	5,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
54	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT			8,0	5,9	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
55	20118268	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	DH20CC			8,0	5,6	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
56	20118270	HUỶNH QUỐC TOÀN	DH20CC			8,0	5,7	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
57	20118271	NGUYỄN NGỌC TOÀN	DH20CK			8,0	5,1	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
58	20118272	PHẠM ĐỨC TOÀN	DH20CK			8,0	6,1	1,0	3,2	0012345678910	0123456789
59	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			8,0	8,1	8,3	8,2	0012345678910	0123456789
60	20118274	NGUYỄN TRỌNG TRIẾT	DH20CK			6,0	5,8	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
61	16115246	Dương Nguyễn Bá Triều	DH16GN			0	2,8	3,5	2,9	0012345678910	0123456789
62	20118275	LÊ MINH TRỌNG	DH20CK			8,0	5,8	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
63	20118276	HUỶNH QUANG TRUNG	DH20CK			8,0	6,1	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
64	20118278	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH20CK			6,0	5,3	2,0	3,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01877

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_08**

Tổ Thi **001_DH20CK_08**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			8,0	6,9	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
66	20118285	TRƯƠNG THANH TÙNG	DH20CK			8,0	5,5	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
67	20118280	DƯƠNG MINH TÚ	DH20CC			8,0	7,0	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
68	20118282	NGUYỄN ĐẶNG MINH TUẤN	DH20CC			8,0	7,3	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
69	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			8,0	7,7	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
70	20153136	NGUYỄN THANH TÙNG	DH20CD			8,0	7,5	5,8	6,5	0012345678910	0123456789
71	20118284	PHAN THANH TÙNG	DH20CK			8,0	7,3	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
72	20118286	NGUYỄN THÁI VI	DH20CK			8,0	7,4	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
73	20153138	TRẦN TUẤN VĨ	DH20CD			8,0	5,2	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
74	20153139	LÊ HUỖNH CÔNG VIỆT	DH20CD			8,0	6,3	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
75	20118287	NGÔ ANH VIỆT	DH20CK			6,0	7,5	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
76	20153140	LÝ A VINH	DH20CD			6,0	6,6	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
77	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			8,0	6,8	4,8	5,7	0012345678910	0123456789
78	20118289	NGUYỄN XUÂN VINH	DH20CK			8,0	7,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
79	20118291	LÂM HUỖNH ANH VŨ	DH20CK			8,0	8,3	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
80	20153141	LÊ VŨ	DH20CD			8,0	6,2	3,8	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01877

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_08**

Tổ Thi **001_DH20CK_08**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	20118292	TRẦN QUỐC VƯƠNG	DH20CK			8,0	6,9	1,3	3,7	001020304050607080910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Nguyễn Thái Dương

TS. Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01009

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118029	Trần Vĩnh Dũng	DH18CC			5,6	2,8		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			5,9	2,3		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			5,3	2,8		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			5,6	2,6		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			5,9	2,8		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118077	Thết Chú Long	DH18CC			5	2,2		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			5,6	2,5		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			5,6	2,4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			6,2	2,3		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			5,3	1,9		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			5,6	2,2		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			5,6	2,3		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			5,6	2,8		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			5,6	1,8		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			6,2	2,8		9,0	0012345678910	0123456789
18	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
19	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
20	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
21	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
22	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
23	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
24	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
25	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
26	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
27	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
28	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
29	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
30	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
31	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
32	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

TS. Lê Văn Tiến

Trần Văn Đông

Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			5,9	1,8		7,7	0012345678910	0123456789
2	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
3	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			3,6	2,2		5,8	0012345678910	0123456789
4	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
5	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			5,9	2,2		8,1	0012345678910	0123456789
6	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			6,4	2,8		9,2	0012345678910	0123456789
7	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			4,2	2,2		6,4	0012345678910	0123456789
8	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			4,2	2,6		6,8	0012345678910	0123456789
9	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
10	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			4,5	2,6		7,1	0012345678910	0123456789
11	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
12	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
13	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			4,5	2,3		6,8	0012345678910	0123456789
14	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
15	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
16	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			4,8	2,8		7,6	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 ~ Năm học 2020 - 2021

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Ngày in : 26/11/2020 16:13



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 12

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
2	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			5,6	1,8		8,4	0012345678910	0123456789
3	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			4,8	1,8		6,6	0012345678910	0123456789
4	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			4,8	1,8		6,6	0012345678910	0123456789
5	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
6	19153006	Võ Quan	DH19CD			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
7	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			5,5	2,3		7,8	0012345678910	0123456789
8	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
9	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			4,4	2,4		6,8	0012345678910	0123456789
10	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			4,5	2,3		6,8	0012345678910	0123456789
11	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
12	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
13	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
14	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
15	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
16	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01011

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 12

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
18	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
19	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
20	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			3,1	2,3		5,4	0012345678910	0123456789
21	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
22	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			4,2	1,9		6,1	0012345678910	0123456789
23	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			5,9	2,2		8,1	0012345678910	0123456789
24	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			5,5	2		7,5	0012345678910	0123456789
25	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			5,6	2,2		7,8	0012345678910	0123456789
26	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			4,1	2,6		6,7	0012345678910	0123456789
27	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
28	19153080	Kiều Thụy	DH19CD			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
29	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
30	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
31	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
32	19153093	Trần Ngọc Vui	DH19CD			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

Trần Văn Đông
Nguyễn Hữu Hòa

Trần Văn Đông

Nguyễn Hữu Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 13

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			4,8	2,2		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			5,9	2,3		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			1,7	2,5		4,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			5,3	2,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			4,7	1,7		6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			4,3	2,2		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			4,6	2,4		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			5	2,2		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			4,5	2,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			5	2,3		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 13

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			5	2,3		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			4,8	2,3		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			4,4	1,6		6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			4,8	1,7		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			5,6	2,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			V	V		V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			5,6	2,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			4,2	2,3		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			5,3	2,4		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			5,3	2		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

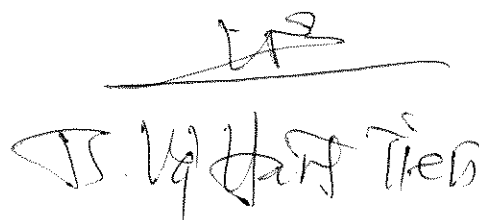
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

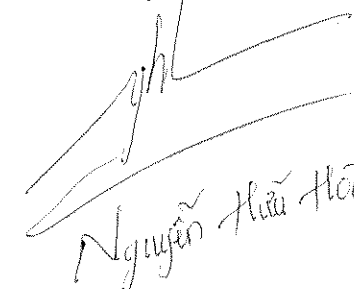
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Hải Tiên


Trần Văn Đông


Nguyễn Hải Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 14

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			5	2,3		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			6,2	2,6		8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			5,3	2,4		7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			3,3	1,7		5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD			4,4	2,2		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			4,8	2,8		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD			5,3	1,8		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			4,7	2,4		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			4,5	2,4		6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD			4,5	2,2		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			2,9	2,2		5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19153045	Bùi Hoàng Phước Nghĩa	DH19CD			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			4,5	2,3		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19153052	Đỗ Văn Tinh Nhỏ	DH19CD			5,3	1,7		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01013

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 14

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			5	1,6		6,6	00012345678910	0123456789
18	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			4,8	2,4		7,2	00012345678910	0123456789
19	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			4,7	1,8		6,5	00012345678910	0123456789
20	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			3,9	2,6		6,5	00012345678910	0123456789
21	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			5	2,6		7,6	00012345678910	0123456789
22	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			4,7	2		6,7	00012345678910	0123456789
23	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD			V	V		V	00012345678910	0123456789
24	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			4,4	1,9		6,3	00012345678910	0123456789
25	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			5,3	0		5,3	00012345678910	0123456789
26	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			5	2,5		7,5	00012345678910	0123456789
27	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT			5,3	2		7,3	00012345678910	0123456789
28	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			3,1	2,3		5,4	00012345678910	0123456789
29	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			5,3	2		7,3	00012345678910	0123456789
30	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			5	1,6		6,6	00012345678910	0123456789
31	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			5	2,5		7,5	00012345678910	0123456789
32	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD			2,4	0		2,4	00012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

Trần Văn Đông

Trần Văn Đông

Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 15

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			4,7	2,5		7,2	0012345678910	0123456789
3	19137012	Nguyễn Văn Đám	DH19NL			5	1,7		6,7	0012345678910	0123456789
4	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
5	19137022	Phạm Văn Trí	DH19NL			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
6	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			4,3	2,3		6,6	0012345678910	0123456789
7	19137027	Nguyễn Trần Gia	DH19NL			4,1	2,5		6,6	0012345678910	0123456789
8	19137028	Sâm Khắc	DH19NL			6,2	2		8,2	0012345678910	0123456789
9	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			3,6	2,3		5,9	0012345678910	0123456789
10	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			4,2	2,6		6,8	0012345678910	0123456789
11	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			5	1,6		6,6	0012345678910	0123456789
12	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
13	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			4,3	2,8		7,1	0012345678910	0123456789
14	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
15	19137042	Bùi Thị Yến	DH19NL			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
16	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 15

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			5	2		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			2,7	2		4,7	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
19	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			4,2	2,6		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
20	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			5,3	1,9		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			5,6	2		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
22	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	19137055	Nguyễn Thị Yến Quyên	DH19NL			5,3	2,8		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			5,9	2		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL			5	1,8		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
26	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			5,6	2,2		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
27	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			5,9	2,2		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			5	2,8		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
29	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			5,6	1,7		7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
30	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			5,9	2,8		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
31	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL			4,3	2,4		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
32	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 15

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			5,3	2,6		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

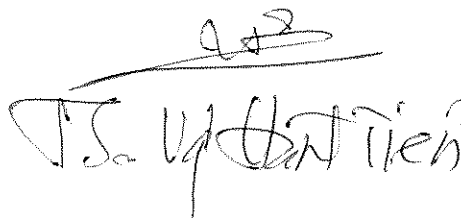
Số lượng vắng:

Hiện diện:

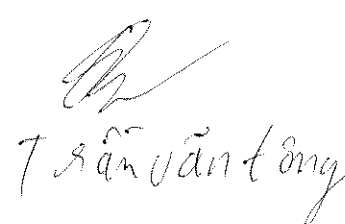
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

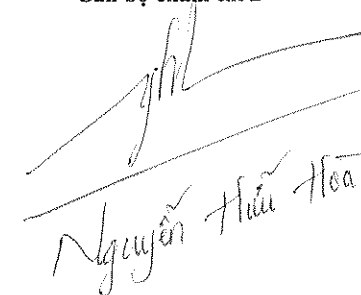
Xác nhận của khoa/bộ môn


TS. Lê Văn Tiến

Cán bộ chấm thi 1


Trần Văn Đông

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 17

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137001	Nguyễn Duy An	DH19NL			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL			5,3	2,2		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			5,3	0		5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL			5,3	2,5		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			5,9	2,5		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			5	2		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			5,9	2,3		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			5,6	2,5		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			5	2,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			4,5	1,9		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			4,8	2,3		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			5	2,2		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			5	2		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			4,5	2		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 17

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
18	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
19	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			3,1	2,3		5,4	0012345678910	0123456789
20	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
21	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			5,9	1,6		7,5	0012345678910	0123456789
22	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
23	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			4,8	1,8		6,6	0012345678910	0123456789
24	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			5,9	1,8		7,7	0012345678910	0123456789
25	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			5	1,1		6,1	0012345678910	0123456789
26	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
27	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
28	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			3,8	2		5,8	0012345678910	0123456789
29	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
30	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			2,2	1,9		4,1	0012345678910	0123456789
31	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
32	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			4,7	1,9		6,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

TS. Lê Thanh Hiền

Trần Văn Đông

Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 18

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			5,9	2,2		8,1	0012345678910	0123456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
4	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			4,8	2,4		7,2	0012345678910	0123456789
5	18118036	Ung Phương Duy	DH18CC			4,4	1,6		6,0	0012345678910	0123456789
6	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
7	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			4,5	2,3		6,8	0012345678910	0123456789
8	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			4,4	2,6		7,0	0012345678910	0123456789
9	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
10	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
11	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
12	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
13	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
14	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
15	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
16	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Nguyễn Hữu Học



Mã nhận dạng 01017

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 19

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
2	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			2,4	2,3		4,7	0012345678910	0123456789
3	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
4	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			3,9	2,3		6,2	0012345678910	0123456789
5	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT			5	1,6		6,6	0012345678910	0123456789
6	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
7	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			4,7	2,2		6,9	0012345678910	0123456789
8	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			6,2	2,8		9,0	0012345678910	0123456789
9	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			4,4	1,7		6,1	0012345678910	0123456789
10	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT			5	2,9		7,9	0012345678910	0123456789
11	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
12	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
13	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT			4,7	2,3		7,0	0012345678910	0123456789
14	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT			4,8	2,8		7,6	0012345678910	0123456789
15	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			4,7	2,8		7,5	0012345678910	0123456789
16	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01017

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 19

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			4,2	2,3		6,5	0012345678910	0123456789
18	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
19	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT			3,9	2,5		6,4	0012345678910	0123456789
20	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
21	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			4,5	2,4		6,9	0012345678910	0123456789
22	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
23	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
24	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
25	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT			3,9	2,5		6,4	0012345678910	0123456789
26	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
27	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
28	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			3,1	2,8		5,9	0012345678910	0123456789
29	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
30	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
31	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
32	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

TS. Lê Thị Tiên

Trần Văn Đông

Nguyễn Hữu Hòa



Mã nhận dạng 01018

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 20

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
6	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
7	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
8	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
9	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
10	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
11	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
12	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			3,6	2,6		6,2	0012345678910	0123456789
13	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
14	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT			2,7	2,3		5,0	0012345678910	0123456789
15	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			3,1	2		5,1	0012345678910	0123456789
16	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			4,7	2,8		7,5	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

JS. Va. Int. Tich

Trần Văn Đông

gđ
Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 21

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			4,7	1,9		6,6	0012345678910	0123456789
2	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
3	19154050	Hà Ngọc Quốc	DH19OT			6,2	2,4		8,6	0012345678910	0123456789
4	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
5	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
6	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
7	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
8	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT			4,4	1,7		6,1	0012345678910	0123456789
9	19154084	Ngô Minh Lê	DH19OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
10	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
11	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT			2,7	2		4,7	0012345678910	0123456789
12	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
13	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
14	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
15	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT			4,7	1,7		6,4	0012345678910	0123456789
16	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT			4,7	1,7		6,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 21

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			4,7	2,6		7,3	0012345678910	0123456789
18	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
19	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT			6,4	2,4		8,8	0012345678910	0123456789
20	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			5,3	2,1		7,7	0012345678910	0123456789
21	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
22	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
23	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			5,6	1,8		7,4	0012345678910	0123456789
24	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			4,4	2,3		6,7	0012345678910	0123456789
25	19154168	Lê Chánh Tinh	DH19OT			4,7	2,4		7,1	0012345678910	0123456789
26	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789
27	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			5,9	2,2		8,1	0012345678910	0123456789
28	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
29	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
30	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
31	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
32	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			6,2	2,4		8,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 22

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
2	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			4,8	1,8		6,6	0012345678910	0123456789
3	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
4	19154048	Trần Hòa	DH19OT			4,2	2,3		6,5	0012345678910	0123456789
5	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			3,1	1,9		5,0	0012345678910	0123456789
6	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
7	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			5,6	1,8		7,4	0012345678910	0123456789
8	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
9	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
10	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
11	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
12	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT			5,6	2		7,6	0012345678910	0123456789
13	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
14	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
15	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
16	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT			V	V		V	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 22

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			3,6	2,3		5,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			4,8	1,8		6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT			3,6	2		5,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT			5,6	2,4		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
22	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			4,5	2,5		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			3,9	1,9		5,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
24	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT			4,8	0		4,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
25	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			5,3	2		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
26	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
27	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT			5,6	1,8		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			5,3	2,2		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			5,3	2,2		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	19154177	Nguyễn Nguyễn Trường	DH19OT			5	2,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			5,3	1,8		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT			4,8	1,8		6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

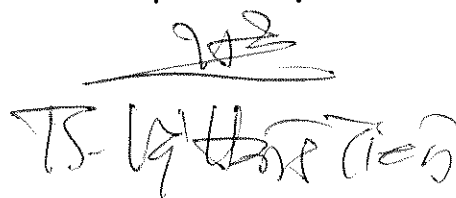
Cán bộ coi thi 2

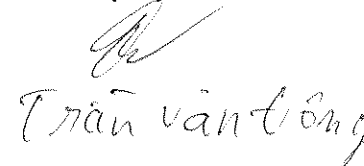
Xác nhận của khoa/bộ môn

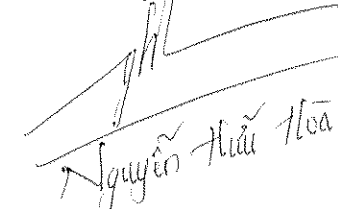
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13


TS. Lê Thị Tiên


Trần Văn Long


Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 23

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			5	1,7		6,7	0012345678910	0123456789
2	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
3	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
4	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			4,8	1,6		6,4	0012345678910	0123456789
5	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			4,2	2,3		6,5	0012345678910	0123456789
6	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
7	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
8	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
9	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
10	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
11	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			4,7	1,8		6,5	0012345678910	0123456789
12	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			4,8	2,4		7,2	0012345678910	0123456789
13	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
14	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
15	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			5,9	2,2		8,1	0012345678910	0123456789
16	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT			5,6	1,3		6,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 23

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			4,5	2,2		6,7	0012345678910	0123456789
18	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT			3,6	2,2		5,8	0012345678910	0123456789
19	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD			3,6	1,4		5,0	0012345678910	0123456789
20	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
21	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
22	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD			4,7	0		4,7	0012345678910	0123456789
23	19154127	Nguyễn Văn Quí	DH19OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
24	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
25	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
26	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
27	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
28	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
29	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%				
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			2	6		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			1,5	5,6		7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			1,5	5,2		6,7	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	18118077	Thết Chủ Long	DH18CC			1	6,8		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
6	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			1	5,2		6,2	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			1,5	5,2		6,7	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			2	5,6		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			1	5,6		6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			1	6,8		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
13	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
14	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	18118137	Nguyễn Hoàng Thê	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			2	7,2		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			4	6		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			1	6		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			0,5	6		6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			2	7,2		9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			1,5	6		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			1,5	5,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			0,5	5,6		6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			1,5	5,2		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
25	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			1	5,2		6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

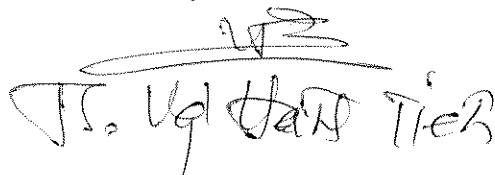
Cán bộ coi thi 1

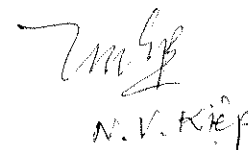
Cán bộ coi thi 2

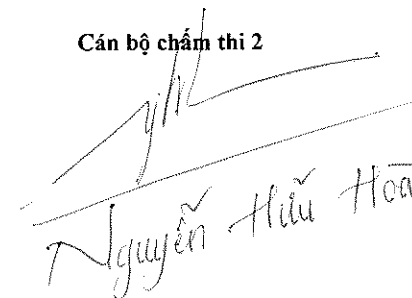
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Văn Tiến


N.V. Kiệp


Nguyễn Hữu Hòa



Mã nhận dạng 01023

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 07

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118003	Châu Vĩ	DH18CC			1,5	6		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118008	Phan Văn Chí	DH18CC			1	6		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118033	Lê Phúc	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118036	Ứng Phương	DH18CC			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154017	Nguyễn Tấn	DH18OT			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118021	Nguyễn Tiến	DH18CC			2	6,8		8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118022	Phan Thành	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118015	Nguyễn Hải	DH18CC			1,5	6		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118039	Trần Tuấn	DH18CC			0	6,8		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118044	Tổng An	DH18CK			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118057	Trần Trọng	DH18CC			0,5	6,8		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118058	Đào Đăng	DH18CC			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118078	Hồ Minh	DH18CC			0	6,3		6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118088	Lê Đại	DH18CC			1	6,8		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01023

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 07

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
18	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
19	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
20	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
21	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
22	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
23	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
24	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			0,5	5,6		6,1	0012345678910	0123456789
25	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			1	6		7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

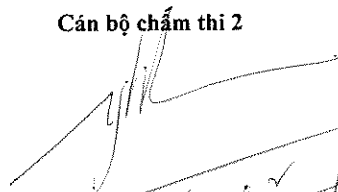
Xác nhận của khoa/bộ môn


TS Lê Thị Kiều

Cán bộ chấm thi 1


N.V. Kiệp

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hữu Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			1	4,8		5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			1	5,6		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			1	7,2		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			1,5	4,8		6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
18	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
19	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
20	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			1,5	4,8		6,3	○○○12345●78910	○12●456789
21	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
22	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD			1,5	4,8		6,3	○○○12345●78910	○12●456789
23	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
24	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
25	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			1,5	4,8		6,3	○○○12345●78910	○12●456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

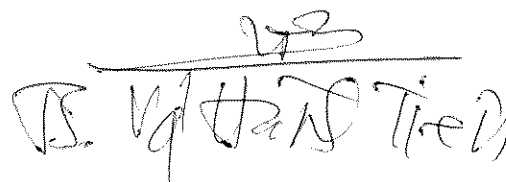
Cán bộ coi thi 1

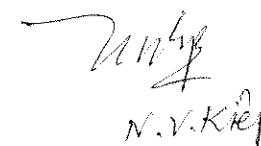
Cán bộ coi thi 2

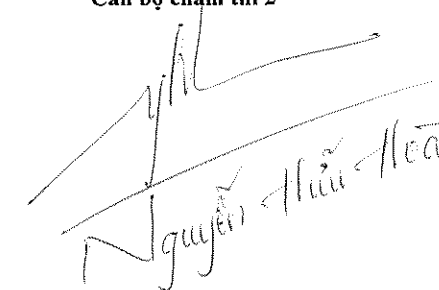
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2









DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 10

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK			✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
2	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
3	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			0,5	5,6		6,1	0012345678910	0123456789
4	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
5	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
6	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
7	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
8	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
9	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
10	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			0	5,6		5,6	0012345678910	0123456789
11	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
12	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
13	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
14	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
15	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
16	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 10

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			1	7,2		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thành Tiến

Nguyễn Hữu Hòa

N.V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 11

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
2	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
3	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
4	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
5	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
6	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			V	V		V	0012345678910	0123456789
7	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
8	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
9	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
10	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
11	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
12	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
13	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
14	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
15	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
16	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mì	DH17CK			2	6		8,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 11

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiên diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

12
B. G. H. S. T. E. N.

Nguyễn Hữu Hoa

7045
N. V. Kie



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
2	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
3	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
4	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			1	6		7,0	0012345678910	0123456789
5	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			1	4,4		5,4	0012345678910	0123456789
6	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
7	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
8	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
9	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
10	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
11	19153045	Bùi Hoàng Phước Nghĩa	DH19CD			✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
12	19153052	Đỗ Văn Tình Nhỏ	DH19CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
13	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
14	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
15	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
16	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			1	6,8		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
19	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD			V	V		V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			1,5	5,2		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
21	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			1,5	6		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			1,5	5,2		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
23	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			1,5	4,4		5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
24	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT			1	5,2		6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

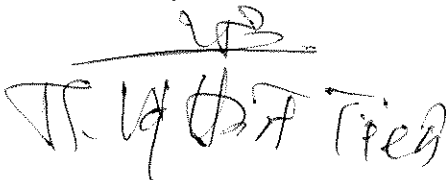
Cán bộ coi thi 1

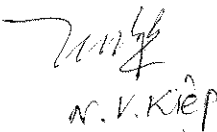
Cán bộ coi thi 2

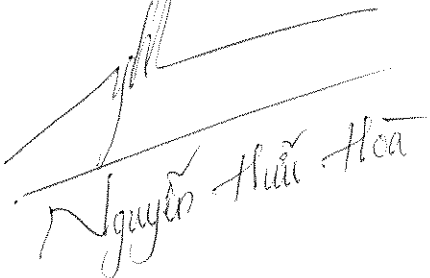
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2







DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 13

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			1	5,2		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			2	5,2		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			1,5	5,2		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			1	5,2		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 13

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			1,5	7,2		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
18	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			1,5	7,2		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
19	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
20	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
21	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●9
22	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
23	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			0	5,9		5,9	○○○1234●678910	○12345678●9
24	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			1	5,2		6,2	○○○12345●678910	○1●23456789

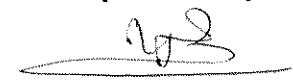
Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


TS. Lê Văn Tiến

Cán bộ chấm thi 1


N.V. Kiệp

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hữu Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			1	6,8		7,8	○○○123456●8910	○1234567●9
2	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●8910	○12●456789
3	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●
4	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD			0	5,5		5,5	○○○1234●678910	○1234●6789
5	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			V	V		V	●○○12345678910	○123456789
6	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD			1,5	6		7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
7	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			1,5	6,4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●
8	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○1234567●9
9	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			1	6		7,0	○○○123456●8910	●123456789
10	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			2	6,4		8,4	○○○1234567●8910	○123●56789
11	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			2	6,4		8,4	○○○1234567●8910	○123●56789
12	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			2	6,4		8,4	○○○1234567●8910	○123●56789
13	19138059	Nguyễn Thành Phàm	DH19TD			2	6,4		8,4	○○○1234567●8910	○123●56789
14	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD			0	6		6,0	○○○12345●78910	●123456789
15	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●
16	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			1	6,4		7,4	○○○123456●8910	○123●56789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			1,5	6,4		7,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD			2	6,4		8,4	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD			1,5	6		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19153093	Trần Ngọc Vui	DH19CD			1,5	6,8		8,3	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

2/2
TS lý thuyết Tiến

N. V. Kheif

Nguyễn Hữu Hoa

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			0,5	7,6		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			1	7,6		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			1,5	7,6		9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			2	6,4		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL			1,5	7,6		9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			0,5	6,4		6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19137042	Bùi Thị Yến Mì	DH19NL			1,5	7,6		9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19137055	Nguyễn Thị Yến Quyên	DH19NL			1	7,6		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Cán bộ chấm thi 2

Cán bộ chấm thi 1

N. V. Kie

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 17

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
2	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			1	5,6		6,6	○○○12345●78910	○12345●789
3	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			✓	✓		✓	●○○12345678910	○123456789
4	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			1,5	4,4		5,9	○○○1234●678910	○12345678●
5	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			1	7,2		8,2	○○○1234567●910	○1●23456789
6	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			1	5,6		6,6	○○○12345●78910	○12345●789
7	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			1,5	5,6		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
8	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			2	7,2		9,2	○○○12345678●10	○1●23456789
9	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			1,5	4,4		5,9	○○○1234●678910	○12345678●
10	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
11	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			1	6,8		7,8	○○○123456●8910	○1234567●9
12	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			0,5	6,4		6,9	○○○12345●78910	○12345678●
13	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			1	6,4		7,4	○○○123456●8910	○123●56789
14	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			1,5	6,4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●
15	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			1,5	7,2		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
16	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●910	○12●456789



Mã nhận dạng 01031

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 17

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
18	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			1	4,4		5,4	0012345678910	0123456789
19	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
20	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
21	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
22	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
23	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
24	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
25	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			0,5	6,4		6,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 19

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			1,5	7,2		8,7	○○○1234567●8910	○○123456●89
2	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			1,5	6		7,5	○○○123456●8910	○○1234●6789
3	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○○○1234567●8910	○○12●456789
4	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○○1234567●89
5	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○○1234567●89
6	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○○1234567●89
7	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			1,5	6		7,5	○○○123456●8910	○○1234●6789
8	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○○1234567●89
9	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○○1234567●89
10	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			1,5	6		7,5	○○○123456●8910	○○1234●6789
11	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			2	6,8		8,8	○○○1234567●8910	○○1234567●89
12	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			0,5	7,2		7,7	○○○123456●8910	○○123456●89
13	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			1,5	6		7,5	○○○123456●8910	○○1234●6789
14	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			1	6		7,0	○○○123456●8910	○○123456789
15	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			1,5	7,2		8,7	○○○1234567●8910	○○123456●89
16	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			2	7,2		9,2	○○○12345678●910	○○●3456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 19

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT			2	7,2		9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT			2	7,2		9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			2	7,2		9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			2	6,8		8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			2	6,8		8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

U2

J. L. Gifford Jr.

N. V. Krep

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hữu Hòa



Mã nhận dạng 01033

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 20

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			2	7,6		9,6	0012345678910	0123456789
2	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
3	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
4	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
5	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
6	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT			2	7,6		9,6	0012345678910	0123456789
7	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			2	7,6		9,6	0012345678910	0123456789
8	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
9	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
10	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT			2	7,6		9,6	0012345678910	0123456789
11	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
12	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
13	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
14	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
15	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
16	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT			2	7,6		9,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01033

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 20

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
18	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
19	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
20	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
21	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
22	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
23	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
24	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
25	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

BT
TS. Lê Thanh Hiền

Nguyễn Văn Kiệp

Nguyễn Hữu Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 22

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			1,5	4		5,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19154019	Hồ Lê Tuấn	DH19OT			1,5	5,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			1	6		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT			V	V		V	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	19154051	Lê Quang	DH19OT			1,5	5,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT			V	V		V	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19154065	Diệp Vĩ	DH19OT			1,5	5,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19154068	Nguyễn Hồ Bảo	DH19OT			2	6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19154093	Nguyễn Lê Anh	DH19OT			1	6,8		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19154101	Dương Trọng	DH19OT			1,5	5,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19154109	Dương Hoài	DH19OT			1,5	5,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19154104	Trần Thanh	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19154120	Lục Lưu	DH19OT			1,5	6		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19154126	Nguyễn Mạnh	DH19OT			1,5	6,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19154128	Nguyễn Đình	DH19OT			1	6,4		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 22

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT			1	6,4		7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
18	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT			1,5	6,4		7,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
19	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT			1	6,4		7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
20	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			2	6,8		8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
21	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
22	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT			1,5	5,6		7,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
23	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
24	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			1	6		7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
25	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT			1,5	6,8		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

Số lượng vắng:

Hiện diện:

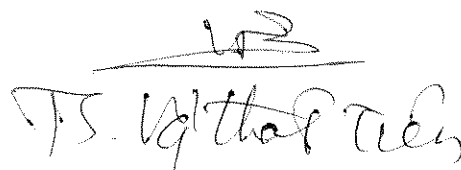
Cán bộ coi thi 1

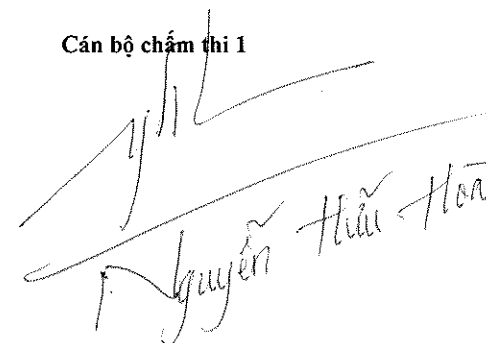
Cán bộ coi thi 2

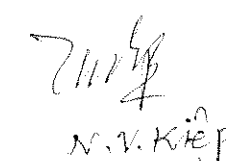
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


T.S. Lê Thanh Tiên


Nguyễn Hữu Hòa


N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 23

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			2	6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			2	6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			2	5,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			2	6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT			2	6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			2	5		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT			V	V		V	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT			2	4,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Cán bộ chấm thi 2

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Hải Hoa

71119
N. V. Kie

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT			2	5,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			2	5,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			2	6		8,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			2	5,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19154048	Trần Hòa	DH19OT			2	6		8,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			2	5,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			2	6,5		8,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT			2	5,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			2	6,5		8,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			2	6,5		8,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT			2	5		7,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			2	5,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			2	5		7,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			2	6		8,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			2	6,5		8,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			2	6,5		8,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Cán bộ chấm thi 2

7/11/94
N. V. Kien



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 04

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC				2	5	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC				4	4	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC				3,5	4	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC				4	4	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC				1,5	5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC				0	5	5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 04

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

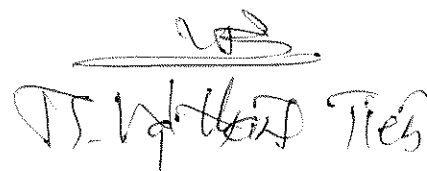
Cán bộ coi thi 1

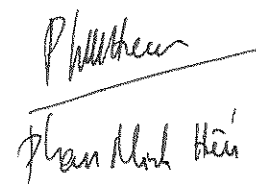
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Tiến


Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC				2,5	5	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC				1	5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC				2	5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC	✓			0	0	0	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC				3,5	5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC				4	5	9,0	0012345678●10	●123456789
20	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC				4	5	9,0	0012345678●10	●123456789
21	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD				4	1	5,0	001234●678910	●123456789
22	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD				4	5	9,0	0012345678●10	●123456789
23	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD				5	3	8,0	001234567●8910	●123456789
24	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				4,5	2	6,5	0012345●78910	01234●56789
25	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				5	5	10,0	00123456789●10	●123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

VB
FS. Lê Thanh Đạt

Phan Minh Hiếu
Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18153015	Đỗ Trùng Dương	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				5	3	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD				4	5	9,0	0012345678910	0123456789
20	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD				4,5	5	9,5	0012345678910	0123456789
21	18153067	Trần Hải	DH18CD				4,5	5	9,5	0012345678910	0123456789
22	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD				4,5	5	9,5	0012345678910	0123456789
23	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD				4	5	9,0	0012345678910	0123456789
24	18153078	Tô Trung	DH18CD				4	5	9,0	0012345678910	0123456789
25	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD				3,5	5	8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

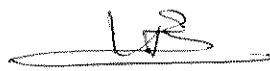
Cán bộ coi thi 1

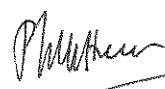
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD				1	5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
17	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
18	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 07

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD	✓			0	0	0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Đ.S. Việt Thuận T. 20

[Signature]
Phan Minh Hiếu

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK				3,5	5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD				1,5	5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK				3	5	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD				0	5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD				5	5	10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD				5	5	10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD				3,5	5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD				0	5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Cán bộ chấm thi 2

Phuthean
Phan Mark Hei

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 09

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT				2	2	4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19154019	Hồ Lê Tuấn	DH19OT				5	4	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				2	5	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT				0	4	4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19154084	Ngô Minh Lễ	DH19OT	✓			0	0	0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT				4	3	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT				0	5	5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
17	19154170	Hoàng Ngọc Tình	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 09

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				2,5	4	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT				4,5	2	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT				2	5	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 24

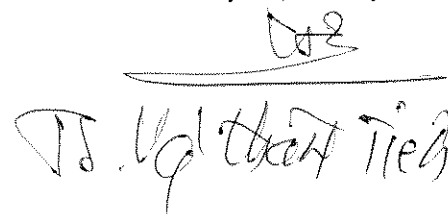
Cán bộ coi thi 1

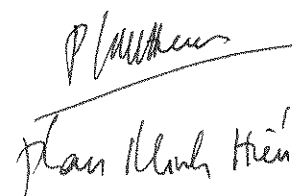
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2





DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 10

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD				0	5	5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT				0	5	5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				4,5	3	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD				1,5	5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				1	4	5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				0	4	4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT	✓			0	0	0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				2	4	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT				1,5	5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				1	5	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT				1	5	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 10

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT	✓			0	0	0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT				0	4	4,0	○ 0 1 2 3 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT				0	5	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT				0	4	4,0	○ 0 1 2 3 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 23

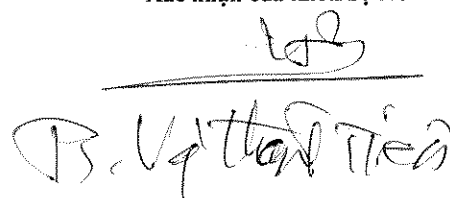
Cán bộ coi thi 1

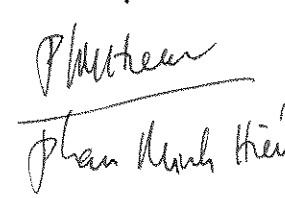
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2





Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> %	<u>Đ2</u> %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				4	4	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				3,5	5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				2,5	4	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				3,5	5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154048	Trần Hòa	DH19OT				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT				5	0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154127	Nguyễn Văn Quí	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT				4	4	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				3	5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Phan Minh Hải
Phan Minh Hải

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				4	4	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				0	4	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				1	5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				3	5	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				3	5	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT				3	5	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT				4,5	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT				2	5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				0	5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT				2,5	5	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 12

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT				2	5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT				2	5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT				1,5	5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT				2	5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Lê Thiện Tín

Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 13

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT				4,5	5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT				4,5	5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT				3,5	5	8,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT				4,5	5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT				3,5	5	8,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
7	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
8	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
9	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
10	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
11	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
12	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
13	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
14	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
15	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
16	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				3	5	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	● ○
17	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				3,5	5	8,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
18	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Minh Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 14

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT				3,5	2	5,5	○○○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
3	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
4	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
6	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
7	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				5	5	10,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				4	5	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
16	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT				3,5	5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
17	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT	✓			0	0	0	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhật	DH19OT				4,5	5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 07/12/2020 10:53

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				5	5	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT				3,5	5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT				4	4	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				5	4	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT	✓			0	0	0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				4,5	5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT				2	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT				4	0	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT				4	5	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 15

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ● ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
20	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ● ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
21	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT				4,5	5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ● ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
22	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT				2	2	4,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
23	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ● ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
24	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT				4	5	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ● ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
25	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT				3	5	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ● ● ○ ● ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

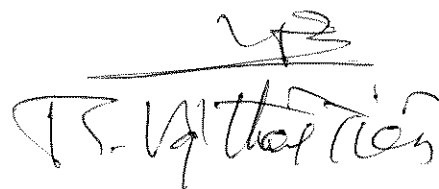
Cán bộ coi thi 1

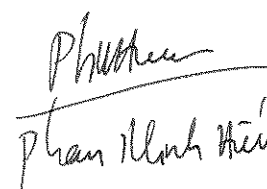
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2







Mã nhận dạng 01891

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			10	10	10	10	001234567890	0123456789
2	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			10	7,1	6,0	6,6	001234567890	0123456789
3	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			8,0	4,8	2,8	3,8	001234567890	0123456789
4	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			6,0	5,5	5,5	5,5	001234567890	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			10	7,7	7,0	7,4	001234567890	0123456789
6	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			6,0	6,1	4,3	5,0	001234567890	0123456789
7	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			6,0	5,2	2,3	3,5	001234567890	0123456789
8	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			6,0	6,9	1,8	3,8	001234567890	0123456789
9	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			0	4,5	2,0	2,8	001234567890	0123456789
10	19118041	K' Đông	DH19CC			8,0	5,1	5,3	5,4	001234567890	0123456789
11	19118077	Phạm Văn Hoàng	DH19CC							001234567890	0123456789
12	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			6,0	9,9	9,3	9,3	001234567890	0123456789
13	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			8,0	7,0	7,5	7,4	001234567890	0123456789
14	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			8,0	7,1	7,8	7,6	001234567890	0123456789
15	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			10	7,9	3,0	5,1	001234567890	0123456789
16	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK							001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 01891

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			8,0	4,9	10	8,1	0012345678910	0123456789
18	19118146	Thạch Minh	DH19CC			8,0	8,4	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
19	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			8,0	6,7	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
20	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			8,0	6,9	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			8,0	6,7	2,3	4,1	0012345678910	0123456789
22	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC							0012345678910	0123456789
23	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			6,0	6,7	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
24	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			8,0	5,5	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
25	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			6,0	6,1	6,5	2,7	0012345678910	0123456789
26	16115245	Đoàn Minh Trí	DH16GB			0	2,0	2,8	2,4	0012345678910	0123456789
27	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			6,0	7,1	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
28	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			10	7,4	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
29	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			6,0	7,5	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
30	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			8,0	8,1	6,3	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01891

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 19 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

N. V. Kiệp

TS. Lê Thị Tiên

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 01892

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_03

Tổ Thi 001_DH19CC_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		10	9,6	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
2	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	Bao		8,0	5,4	1,8	3,4	0012345678910	0123456789
3	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC	Bao		4,5	2,6	3,0	2,9	0012345678910	0123456789
4	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	Chien		10	7,3	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
5	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	cong		8,0	4,9	5,0	5,1	0012345678910	0123456789
6	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK	Danh		8,0	7,5	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
7	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	Dung		10	9,2	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
8	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC	Duy		8,0	6,0	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
9	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT	Đại		10	9,3	6,3	7,5	0012345678910	0123456789
10	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	Dao		10	9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
11	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC	Dat		10	4,8	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
12	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC	Dat		10	8,3	4,3	6,0	0012345678910	0123456789
13	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC	Diep		8,0	5,7	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
14	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK	Duc		10	8,9	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
15	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC	Hao		8,0	3,5	2,8	3,3	0012345678910	0123456789
16	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC	Hao		10	6,3	4,5	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01892

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_03

Tổ Thi 001_DH19CC_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			4,5	8,1	1,0	3,7	0012345678910	0123456789
18	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			8,0	6,1	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
19	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			8,0	9,1	3,0	5,4	0012345678910	0123456789
20	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			8,0	6,1	8,5	7,6	0012345678910	0123456789
21	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC							0012345678910	0123456789
22	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			10	6,9	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
23	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			8,0	8,0	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
24	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			8,0	8,7	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
25	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			10	8,6	10	9,5	0012345678910	0123456789
26	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			8,0	8,1	2,3	4,6	0012345678910	0123456789
27	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			4,5	2,9	8,5	6,3	0012345678910	0123456789
28	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			8,0	4,6	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
29	19118115	Phù Thiết Ki	DH19CC			8,0	2,6	5,3	4,5	0012345678910	0123456789
30	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			8,0	8,1	6,3	7,0	0012345678910	0123456789
31	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			10	9,3	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
32	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			8,0	4,3	4,0	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01892

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_03

Tổ Thi 001_DH19CC_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118139	Đình Minh	Mẫn	DH19CC		10	8,4	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
34	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC		8,0	6,4	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
35	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC		8,0	6,5	6,3	6,5	0012345678910	0123456789
36	18118090	Phan Trung	Nghĩa	DH18CC		6,0	7,4	7,3	7,3	0012345678910	0123456789
37	18118094	Bồ Tấn	Nhân	DH18CC		10	8,7	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
38	19118161	Lê Dương Thiện	Nhân	DH19CC		0	1,5	2,8	2,2	0012345678910	0123456789
39	19118162	Nguyễn Duy Trọng	Nhân	DH19CC		8,0	5,4	5,3	5,5	0012345678910	0123456789
40	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC		8,0	9,5	10	9,7	0012345678910	0123456789
41	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC		10	7,4	9,3	8,7	0012345678910	0123456789
42	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK		10	8,9	9,3	9,2	0012345678910	0123456789
43	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC		6,0	2,7	3,8	3,5	0012345678910	0123456789
44	19118178	Phạm Hoàng	Phong	DH19CC		6,0	5,8	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
45	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC		8,0	7,2	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
46	18153057	Trần Minh	Quang	DH18CD						0012345678910	0123456789
47	19118186	Nguyễn Ngọc	Quân	DH19CC		8,0	8,7	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
48	18153062	Nguyễn Ngọc	Quynh	DH18CD		6,0	2,3	3,0	2,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01892

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_03

Tổ Thi 001_DH19CC_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			6,0	5,8	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
50	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			6,0	4,9	4,8	4,9	0012345678910	0123456789
51	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC			6,0	7,2	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
52	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			8,0	6,2	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
53	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			6,0	4,5	6,3	5,7	0012345678910	0123456789
54	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			8,0	6,7	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
55	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			8,0	8,3	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
56	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			10	9,2	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
57	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			10	4,0	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
58	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			10	7,7	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
59	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			10	9,0	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
60	19118244	Nguyễn Phúc ToAi	DH19CC			10	9,2	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
61	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			8,0	8,3	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
62	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			10	9,2	18	4,8	0012345678910	0123456789
63	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			6,0	6,3	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
64	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			6,0	6,1	5,8	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01892

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_03

Tổ Thi 001_DH19CC_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			8,0	8,4	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
66	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			8,0	8,1	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
67	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			8,0	8,4	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
68	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			8,0	5,8	6,8	6,5	0012345678910	0123456789
69	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			8,0	6,4	3,3	4,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 67 Số sinh viên vắng 2...

Ngày 19 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01909

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_02

Tổ Thi

001_DH17CKC_02

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC				8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC				8	7	7,2	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC				8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC				8	7	7,2	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC				8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC				8	7	7,2	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC				8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10. Số sinh viên vắng0

Ngày 19 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 01917

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ10%	Đ2 Đ20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK							0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			5	7	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
3	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			5,5	8,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
4	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			5	5,5	3	3,9	0012345678910	0123456789
5	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			6	6	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
6	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			5	6,5	5	5,3	0012345678910	0123456789
7	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			5	4	2	3,0	0012345678910	0123456789
8	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			6	9	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
9	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			6	7	9,5	8,3	0012345678910	0123456789
10	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			6	5,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
11	19118031	Trần Đức	DH19CK			6	7	4	5,0	0012345678910	0123456789
12	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			5	6	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			9	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
14	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			7,5	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
15	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			4	6	5	5,0	0012345678910	0123456789
16	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			6	8	5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01917

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			5	6	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
18	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			0	0	1	0,6	0012345678910	0123456789
19	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK							0012345678910	0123456789
20	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			5	7,5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
21	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			5	0	3	2,8	0012345678910	0123456789
22	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			5	6,5	2	3,5	0012345678910	0123456789
23	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			4	3	3	3,2	0012345678910	0123456789
24	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			6,5	6,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
25	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK			6,5	6,5	2	3,8	0012345678910	0123456789
26	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			5	6,5	5	5,3	0012345678910	0123456789
27	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			6,5	7	4	5,1	0012345678910	0123456789
28	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			6	9	5	6,0	0012345678910	0123456789
29	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
30	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			6,5	6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
31	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			5	6,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
32	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			7,5	6,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01917

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi

001_DH19CK_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			7	6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
34	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			7,5	6	5	5,8	0012345678910	0123456789
35	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			6	4	2	3,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33. Số sinh viên vắng ...2...

Ngày 26 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Nguyễn Hải Hòa

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 01918

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 002_DH19CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 26%	Đ2 24%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118128	Trần Thanh	Lộc	luc		6,5	6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
2	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	loi		6,5	6,5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
3	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	lu		6	6,5	6	6,1	0012345678910	0123456789
4	19118137	Bùi Duy	Lũy	luy		5	5	2	3,2	0012345678910	0123456789
5	19118143	Lê Công	Minh	cong		5,5	5	3	3,9	0012345678910	0123456789
6	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	trn		6	6	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
7	19118145	Nguyễn Văn	Minh	van		6	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
8	19118147	Hoàng Phương	Nam	phuong		5	7	6	6,0	0012345678910	0123456789
9	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	hoai		6	8,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
10	19118149	Lâm Nhật	Nam	nam		5	5	1	2,6	0012345678910	0123456789
11	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	hoai		6,5	8,5	1	3,6	0012345678910	0123456789
12	19118151	Trần Duy Nhật	Nam	nam		8	6	4	5,2	0012345678910	0123456789
13	19118153	Nguyễn Minh	Nghĩa							0012345678910	0123456789
14	19118158	Lê Hoàng Minh	Ngọc	ngoc		0	8	1	0,6	0012345678910	0123456789
15	19154105	Nguyễn Xuân	Nhân	nam		6,5	0	5	4,3	0012345678910	0123456789
16	19118167	Phạm Thế	Nhật	thi		7	10	9,5	9,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01918

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 002_DH19CK_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118168	Thân Văn Nhơ	DH19CK			7	6	2	3,8	00012345678910	0123456789
18	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			6,5	5	2	3,5	00012345678910	0123456789
19	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			7	6	6	6,2	00012345678910	0123456789
20	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			7	6	5,5	5,9	00012345678910	0123456789
21	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			6	6,5	9	7,9	00012345678910	0123456789
22	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			5	6	5	5,2	00012345678910	0123456789
23	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			6	5	1	2,8	00012345678910	0123456789
24	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			7	9	10	9,2	00012345678910	0123456789
25	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			5	6,5	9	7,8	00012345678910	0123456789
26	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			6	6	5,5	5,7	00012345678910	0123456789
27	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			7	5	4,5	5,1	00012345678910	0123456789
28	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			5	6,5	2	3,5	00012345678910	0123456789
29	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			6,5	6,5	4	5,0	00012345678910	0123456789
30	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK							00012345678910	0123456789
31	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			6,5	0	4	3,7	00012345678910	0123456789
32	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			5	8	5,5	5,9	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01918

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 002_DH19CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			5	6	6	5,8	0012345678910	0123456789
34	19118242	Phan Đặng Hoài	DH19CK			8,5	7	6	6,7	0012345678910	0123456789
35	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			4	7,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
36	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			5	6,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
37	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			6	9	6	6,6	0012345678910	0123456789
38	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			5	6,5	1	2,9	0012345678910	0123456789
39	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			5	6	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
40	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			5	0	1	1,6	0012345678910	0123456789
41	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			6,5	6	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
42	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			7	7	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
43	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
44	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			9	7,5	3,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01918

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CK_01 Tổ Thi 002_DH19CK_01 Tên CBGD Lê Quang Giảng
Ngày Thi 20/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42. Số sinh viên vắng 02.

Ngày 26 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Giảng

Ngô Thị Phương Thảo

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 01929

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK	CH		9.0	7.8	50	6.0	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK	CH		8.5	8.3	43	5.5	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK	ph.		8.5	7.5	47	5.6	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK	CH		8.5	8.0	5.2	6.1	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK	CH		8.5	8.0	50	6.0	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK	DM		10.0	8.3	55	6.5	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK	Duy		8.0	7.5	37	4.9	0 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
10	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK	CH		10.0	8.3	50	6.2	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
11	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK	CH		10.0	8.0	4.8	6.0	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17154028	Phạm Tử Hùng Hiếu	DH17OT	CH		8.5	8.0	57	6.4	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
14	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK	CH		9.0	8.5	5.0	6.1	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK	H		10.0	8.3	4.3	5.7	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
16	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK	CH		10.0	8.3	5.0	6.2	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01929

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			10.0	8.5	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
18	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			10.0	8.0	3.8	5.3	0012345678910	0123456789
19	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			10.0	8.0	4.8	6.0	0012345678910	0123456789
20	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			7.5	8.0	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
21	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			10.0	8.5	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
22	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK							0012345678910	0123456789
23	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			10.0	8.5	5.7	6.7	0012345678910	0123456789
24	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			9.5	7.5	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
25	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			8.5	8.0	4.3	5.5	0012345678910	0123456789
26	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			10.0	8.0	4.8	6.0	0012345678910	0123456789
27	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			9.0	8.0	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
28	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			10.0	7.5	4.3	5.5	0012345678910	0123456789
29	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			9.0	7.0	4.2	5.2	0012345678910	0123456789
30	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			10.0	8.0	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
31	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			6.5	7.0	3.7	4.6	0012345678910	0123456789
32	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			8.0	7.3	4.2	5.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01929

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			10.0	8.0	5.3	6.3	0012345678910	0123456789
34	17154066	Đình Xuân Nhật	DH17OT			9.0	7.0	4.2	5.2	0012345678910	0123456789
35	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK							0012345678910	0123456789
36	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			9.5	8.0	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
37	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			9.5	5.8	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
38	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			9.5	7.5	5.3	6.2	0012345678910	0123456789
39	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			10.0	6.5	4.2	5.2	0012345678910	0123456789
40	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			9.0	7.5	4.8	5.8	0012345678910	0123456789
41	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			9.0	7.8	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
42	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			9.5	7.5	4.2	5.4	0012345678910	0123456789
43	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			10.0	5.5	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
44	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			10.0	7.5	3.8	5.2	0012345678910	0123456789
45	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			9.0	8.0	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
46	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			10.0	7.8	4.2	5.5	0012345678910	0123456789
47	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			10.0	8.0	4.7	5.9	0012345678910	0123456789
48	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			10.0	7.8	5.5	6.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01929

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			10.0	7.8	5.8	6.6	0012345678910	0123456789
50	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			10.0	8.0	5.2	6.2	0012345678910	0123456789
51	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			8.5	7.8	5.7	6.4	0012345678910	0123456789
52	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			10.0	8.0	3.8	5.3	0012345678910	0123456789
53	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			10.0	7.8	3.8	5.2	0012345678910	0123456789
54	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			10.0	7.5	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
55	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			8.5	8.3	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
56	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			9.5	8.3	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
57	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			9.0	7.8	3.7	5.1	0012345678910	0123456789
58	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			10.0	5.8	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
59	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			10.0	5.8	4.2	5.1	0012345678910	0123456789
60	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			10.0	8.3	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
61	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			10.0	5.8	5.2	5.8	0012345678910	0123456789
62	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			8.5	8.3	4.8	5.9	0012345678910	0123456789
63	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			10.0	8.3	4.7	6.0	0012345678910	0123456789
64	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			10.0	6.0	5.5	6.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01929

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			10.0	8.3	2.7	4.6	0012345678910	0123456789
66	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			9.0	8.0	3.0	4.6	0012345678910	0123456789
67	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			10.0	8.3	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
68	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			9.5	8.3	5.2	6.3	0012345678910	0123456789
69	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			10.0	6.0	4.7	5.5	0012345678910	0123456789
70	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			10.0	8.3	4.8	6.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65. Số sinh viên vắng 05

Ngày 25 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Lê Văn Quý

Nguyễn Thị Lý

Võ Văn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 01934

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Thiết bị trao đổi nhiệt(207417)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			9,5	9	5	6,7	0012345678910	0123456789
2	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			9,5	8,5	9	9,0	0012345678910	0123456789
3	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			9	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
4	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			7,5	8	5	6,1	0012345678910	0123456789
5	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10	9,5	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
6	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			10	9,5	10	9,9	0012345678910	0123456789
7	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			9,5	8,5	9	9,0	0012345678910	0123456789
8	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			9	9	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			8,5	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
10	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			7	8	4	5,4	0012345678910	0123456789
11	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			9,5	9	7	7,9	0012345678910	0123456789
12	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			9	8,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
13	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			8,5	8,5	5	6,4	0012345678910	0123456789
14	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			9	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
15	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			9,5	8	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
16	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			9	9	5	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01934

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Thiết bị trao đổi nhiệt(207417)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			9,5	9	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
18	18137036	Nguyễn Đình Anh	DH18NL			8,5	8,5	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
19	18137037	Phan Hữu Quí	DH18NL			9,5	9,5	7	8,0	0012345678910	0123456789
20	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			8,5	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			9,5	9,5	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
22	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			9	8,5	7	7,7	0012345678910	0123456789
23	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			9	9	4	6,0	0012345678910	0123456789
24	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			9,5	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
25	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			9	9	5	6,6	0012345678910	0123456789
26	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL							0012345678910	0123456789
27	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			9,5	9	5	6,7	0012345678910	0123456789
28	18137047	Hồng Nguyên Phi	DH18NL			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
29	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL			10	9	7,5	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01934

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Thiết bị trao đổi nhiệt(207417) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH18NL_02 Tổ Thi 001_DH18NL_02 Tên CBGD Lê Quang Giảng
Ngày Thi 22/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi/ Số sinh viên vắng/

Ngày 26 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Ngô Đăng Khoa

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 01933

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Thiết bị trao đổi nhiệt(207417)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_03

Tổ Thi 001_DH18CC_03

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>Anh</i>		6	8,5	7	7,1	0012345678910	0123456789
2	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	<i>Bao</i>		6,5	8,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
3	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC	<i>Cho</i>		7	9	9	8,6	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL	<i>Da</i>		8	9	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC	<i>Dung</i>		7,5	8,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	<i>Du</i>		7	7,5	4	5,3	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	<i>Dung</i>		8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC	<i>Da</i>		8	9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC	<i>Dat</i>		9	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
10	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC	<i>Da</i>		6,5	7,5	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
11	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	<i>Duc</i>		8	9,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
12	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	<i>Khiem</i>		5,5	7,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
13	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC	<i>Da</i>		7,5	8	9	8,5	0012345678910	0123456789
14	18118077	Thét Chú Long	DH18CC	<i>Thet Chu</i>		8	8,5	4	5,7	0012345678910	0123456789
15	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC	<i>Loc</i>		8	9	4	5,8	0012345678910	0123456789
16	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC	<i>Hu</i>		7	9	4	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01933

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Thiết bị trao đổi nhiệt(207417)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_03

Tổ Thi

001_DH18CC_03

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			9	9,5	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
18	18118088	Lê Đại	DH18CC			7,5	8,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
19	18118090	Phan Trung	DH18CC			7,5	8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
20	18118094	Bồ Tấn	DH18CC							0012345678910	0123456789
21	18118096	Đặng Danh	DH18CC			8,5	9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
22	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC			8,5	9	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
23	18118120	Lê Tấn	DH18CC			8	7	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
24	18118122	Nguyễn Minh	DH18CC			6,5	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
25	18118127	Lương Văn	DH18CC			7,5	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
26	18118128	Phạm Văn	DH18CC			7,5	7,5	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
27	18118129	Phan Quốc	DH18CC			6,5	7,5	4	5,2	0012345678910	0123456789
28	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	DH18CC			7,5	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
29	18118137	Nguyễn Hoàng	DH18CC			7	7,5	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
30	18118139	Nguyễn Chí	DH18CC			7,5	9	8	8,1	0012345678910	0123456789
31	18118222	Châu Ngọc	DH18CC			7,5	8	6,5	7	0012345678910	0123456789
32	18118152	Dương Minh	DH18CC			9	8	4	5,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01933

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Thiết bị trao đổi nhiệt(207417)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_03

Tổ Thi

001_DH18CC_03

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118155	Nguyễn Phát	Tín	DH18CC		6	7,5	8	7,5	0012345678910	0123456789
34	18118157	Trần Duy	Toàn	DH18CC		8	9,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
35	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC		7	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
36	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC		7	7	5	5,8	0012345678910	0123456789
37	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC		8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
38	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC		7	8,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
39	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC		7,5	9	6	6,9	0012345678910	0123456789
40	18118180	Trần Văn	Tuyển	DH18CC		5	7,5	5	5,5	0012345678910	0123456789
41	18118183	Nguyễn Hồ Phú	Vinh	DH18CC		7	8,5	5	6,1	0012345678910	0123456789
42	18118185	Trần Phúc	Vinh	DH18CC		8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
43	18118186	Hoàng Long	Vũ	DH18CC		7,5	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 1

Ngày 26 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Bùi Minh Tuấn

Bùi Minh Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 01935

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Tủa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
3	18137006	Bùi Văn Cường	DH18NL				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL				10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
5	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
6	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
7	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL				10	4	5,2	001234●678910	01●3456789
8	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL				10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
9	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
10	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL				10	8,8	8,6	001234567●910	012345●789
11	18137019	Trịnh Thế Hoàn	DH18NL				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
12	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL				10	9	9,2	0012345678●10	01●3456789
13	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL				10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
14	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL				5	4,5	4,6	00123●5678910	012345●789
15	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
16	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL				10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789



Mã nhận dạng 01935

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Tọa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL				10	7	7,6	001234568910	012345789
18	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL				10	6,5	7,2	001234568910	0123456789
19	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL				10	8	8,4	0012345678910	0123456789
20	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL				10	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
21	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
22	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
23	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
24	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL				10	5	6,0	0012345678910	0123456789
25	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL				10	7	7,6	001234568910	012345789
26	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL				10	5	6,0	0012345678910	0123456789
27	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL				10	6,5	7,6	0012345678910	012345789
28	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL				10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
29	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL				10	8	8,4	0012345678910	0123456789
30	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL				10	5	6,0	0012345678910	0123456789
31	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL				10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
32	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			+	0	✓	✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01935

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Tủa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
34	18137047	HồngNguyễn Phi Trường	DH18NL				5	8	7,4	00123456●8910	0123●56789
35	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL				5	6	5,8	001234●678910	01234567●9
36	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 11/12/2020



Mã nhận dạng 01936

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			10	2.5	8.0	8.6	0012345678910	0123456789
2	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			8.0	8.0	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
3	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			10	9.0	10	9.7	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			6.0	9.5	9.5	8.8	0012345678910	0123456789
5	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			5.0	8.0	6.0	6.4	0012345678910	0123456789
6	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			2.0	8.5	7.0	6.5	0012345678910	0123456789
7	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			7.0	9.0	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
8	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			10	10	9.5	9.8	0012345678910	0123456789
9	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			10	8.5	5.0	7.1	0012345678910	0123456789
10	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			8.5	9.5	10	9.6	0012345678910	0123456789
11	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			1.0	8.0	6.0	5.6	0012345678910	0123456789
12	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			4.0	8.0	5.0	5.7	0012345678910	0123456789
13	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			10	8.0	5.0	6.9	0012345678910	0123456789
14	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			7.0	9.0	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
15	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL							0012345678910	0123456789
16	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			6.0	8.5	4.0	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01936

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			1.0	8.0	5.0	5.1	0012345678910	023456789
18	18137028	Cao Tấn	DH18NL			1.0	8.5	7.0	6.3	0012345678910	0123456789
19	18137029	Nguyễn Huỳnh	DH18NL			0.0	8.5	6.0	5.6	0012345678910	0123456789
20	18137031	Nguyễn Thành	DH18NL			0.0	8.0	5.0	4.9	0012345678910	0123456789
21	18137032	Nguyễn Thành	DH18NL			1.0	8.0	5.0	5.1	0012345678910	023456789
22	18137034	Dương Văn	DH18NL			1.0	9.0	8.5	7.2	0012345678910	0123456789
23	18137035	Võ Hồng	DH18NL			8.0	8.5	5.0	6.7	0012345678910	0123456789
24	18137036	Nguyễn Đình Anh	DH18NL			4.0	8.5	5.5	6.1	0012345678910	023456789
25	17137058	Ngô Thành	DH17NL			3.0	8.0	4.0	5.0	0012345678910	0123456789
26	18137037	Phan Hữu	DH18NL			3.0	9.5	1.0	8.5	0012345678910	0123456789
27	18137039	Phạm Trương Quang	DH18NL			5.0	8.0	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
28	18137040	Cao Hoàng	DH18NL			5.0	8.5	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
29	18137041	Trần Văn	DH18NL			2.0	8.5	4.0	5.0	0012345678910	0123456789
30	18137043	Nguyễn Văn	DH18NL			1.0	8.0	1.0	9.4	0012345678910	0123456789
31	18137044	Cao Khánh	DH18NL			1.0	9.0	9.5	9.5	0012345678910	0123456789
32	18137045	Nguyễn Đỗ	DH18NL							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01936

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137046	Phan Khánh	Trung	DH18NL		3.0	8.0	9.0	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18137047	Hồngnguyễn Phi	Trường	DH18NL		5.0	8.5	10	8.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17137079	Nguyễn An Hoàng	Vương	DH17NL		2.0	8.0	7.0	6.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18137050	Nguyễn Thị	Yến	DH18NL		10	10	8.0	9.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 02

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01937

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Nam Quyền**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK	ch		1,4	0,4	2,4	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK	Ba		1,6	1,6	3,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK	ph.		1,6	1,6	1,8	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK	DD		1,6	1,6	1,8	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK	Do		1,6	2,0	5,8	9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK	ZZ		1,6	1,6	2,8	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL	DA		1,4	1,4	2,4	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK	h		1,6	1,6	2,8	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK	Hy		1,2	1,8	2,4	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK	Hy		1,8	1,8	3,6	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK	Hy		1,8	1,6	1,8	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118051	Bùi Huynh	DH18CK	BH		1,8	1,8	1,8	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK	Kh		1,8	1,6	1,8	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK	K		1,8	1,8	2,4	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01937

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Nam Quyền

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm /thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118062	Đặng Minh	Khôi	DH18CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18118064	Kiều Minh Trí	Kiệt	DH18CK	<i>Me</i>		1,6	1,6	3,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
19	16118076	Vũ Hoàng	Kim	DH16CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18118071	Huỳnh Quốc	Long	DH18CK	<i>Long</i>		1,6	1,0	3,6	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	18118074	Nguyễn Phi	Long	DH18CK	<i>Long</i>		1,8	1,6	1,8	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	18118075	Nguyễn Thành	Long	DH18CK	<i>Long</i>		1,8	1,6	2,4	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
23	18118076	Phạm Văn	Long	DH18CK	<i>Long</i>		1,9	1,8	1,8	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
24	18118068	Lê Quang	Lộc	DH18CK	<i>Los</i>		1,8	1,8	2,4	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	16137049	Ngô Văn	Lợi	DH16NL	<i>hcr</i>		1,4	1,6	2,1	5,1	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
26	18118081	Tạ Văn	Mạnh	DH18CK	<i>Mạnh</i>		1,6	1,8	2,1	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
27	18118082	Nguyễn Đình	Minh	DH18CK	<i>Minh</i>		1,6	1,8	2,4	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
28	18118084	Vũ Quang	Minh	DH18CK	<i>Minh</i>		1,6	1,8	2,1	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
29	15118070	Lý	Nghé	DH15CK	<i>Ly</i>		1,6	1,8	1,8	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
30	18118098	Nguyễn Trung	Nhân	DH18CK	<i>Tr</i>		1,6	1,9	3,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
31	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK	<i>Phi</i>		1,6	1,8	2,4	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
32	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK	<i>Phu</i>		1,6	1,6	1,5	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9



Mã nhận dạng 01937

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Nam Quyền

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			1,6	1,8	2,4	5,8	0012345678910	0123456789
34	18118115	Quách Ngọc Quí	DH18CK			1,6	2,0	6,0	9,6	0012345678910	0123456789
35	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			1,6	1,8	3,3	6,7	0012345678910	0123456789
36	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			1,8	1,9	4,2	7,9	0012345678910	0123456789
37	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			1,8	1,8	2,1	5,7	0012345678910	0123456789
38	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			1,8	1,6	2,4	5,8	0012345678910	0123456789
39	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			1,8	1,8	3,0	6,6	0012345678910	0123456789
40	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			1,8	1,6	3,0	6,4	0012345678910	0123456789
41	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			1,6	0,6	1,8	4,0	0012345678910	0123456789
42	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			1,6	1,6	1,8	5,0	0012345678910	0123456789
43	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			1,8	1,6	3,0	6,4	0012345678910	0123456789
44	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			1,8	1,8	3,0	6,6	0012345678910	0123456789
45	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			1,4	1,4	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
46	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			1,8	1,8	3,0	6,6	0012345678910	0123456789
47	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			1,8	1,8	1,2	4,8	0012345678910	0123456789
48	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			1,8	1,8	2,4	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01937

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Nam Quyền

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL			1,4	1,6	2,1	5,1	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			1,6	2,0	5,4	9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			1,6	1,6	3,0	6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			1,6	1,8	3,0	6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
53	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			1,6	2,0	5,4	9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi 4.9 Số sinh viên vắng 4.

Ngày 25 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Quyền

Nguyễn Nam Quyền

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Số Tín Ch 2

Môn Thi **Truyền nhiệt(207433)**

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Hay**

Trang 1

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC	<i>Ag</i>		8	5	7	6,5	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí	DH18CKC	<i>B</i>		8	7	4	6,0	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu	DH18CKC	<i>Hu</i>		8	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC	<i>Hu</i>		8	5	8	6,5	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC	<i>Hu</i>		8	5,5	7	7,0	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC	<i>L</i>		8	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC	<i>Long</i>		8	7,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC	<i>Long</i>		8	6,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC	<i>Long</i>		8	6,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC	<i>nguyen</i>		8	7,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC	<i>phuc</i>		8	5,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC	<i>SB</i>		8	6,0	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC	<i>Son</i>		8	6,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC	<i>T</i>		6	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC	<i>Tram</i>		6	5,0	6,5	6,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04279

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Truyền nhiệt(207433)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Hay**

Trang 2

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15 Số sinh viên vắng 0

Ngày 25 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1


N.V. Kiệp

Cán bộ coi thi 2


Cao Đức Lợi

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Hay



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	DƯƠNG LỢI AN	DH20NL						6	0012345678910	0123456789
2	20137064	NGUYỄN TÂN AN	DH20NL						9	0012345678910	0123456789
3	20137066	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	DH20NL						7.5	0012345678910	0123456789
4	20137067	NGUYỄN THÀNH CHÍ	DH20NL						7	0012345678910	0123456789
5	20137070	TRỊNH TÂN DƯ	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
6	20137068	NGUYỄN VĂN ĐẠI	DH20NL						8.5	0012345678910	0123456789
7	20137009	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
8	20137069	LÊ MINH ĐĂNG	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
9	20137074	LÊ THANH HÀ	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
10	20137075	TRƯƠNG TÂN HẢI	DH20NL						7.5	0012345678910	0123456789
11	20137076	HỒ THỊ HỒNG HẠNH	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
12	20137077	PHÙNG VĨ HÀO	DH20NL						7	0012345678910	0123456789
13	20137078	LÊ QUANG HẢO	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
14	20137014	NGUYỄN NHỰT HIỆP	DH20NL						8.5	0012345678910	0123456789
15	20137082	PHẠM MINH HOÀNG	DH20NL						5	0012345678910	0123456789
16	20137084	TRẦN QUANG HUY	DH20NL						9	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137024	TRƯƠNG ANH HUYỀN	DH20NL						9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	20137085	ĐẶNG QUANG KHẢI	DH20NL						8.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	20137086	LÊ BẢO KHANG	DH20NL						8.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	20137087	CAO DUY KHÁNH	DH20NL						7.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	20137088	VÔ ĐĂNG KHOA	DH20NL						9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	20137089	LÝ CHÍ KIỆT	DH20NL						7.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	20137090	NGUYỄN TUẤN KIỆT	DH20NL						8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	20137091	PHẠM TUẤN KIỆT	DH20NL						8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	20137092	TRẦN HOÀNG KIỆT	DH20NL						8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	20137094	HUỲNH HOÀI LÂM	DH20NL						9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	20137095	NGUYỄN HOÀNG LINH	DH20NL						8.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	20137097	BÙI DUY LONG	DH20NL						8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	20137096	HÀ PHƯỚC LỘC	DH20NL						9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	20137098	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	DH20NL						8.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	20137099	PHẠM AN NINH	DH20NL						9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	20137100	TRẦN THANH PHÁP	DH20NL						8.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	20137104	BÙI LÊ VĨNH PHÚ	DH20NL						8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	20137105	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	DH20NL						8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	20137107	NGÔ HOÀNG PHÚC	DH20NL						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	② ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	20137109	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	DH20NL						7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
37	20137039	ĐỖ MINH QUÂN	DH20NL						8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
38	20137110	ĐÌNH VĂN QUÝ	DH20NL						8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	20137111	TRẦN THANH SANG	DH20NL						8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	20137112	LÊ VĂN TÀI	DH20NL						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	20137113	NGUYỄN TRỌNG TÂM	DH20NL						7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	20137115	ĐẶNG NGUYỄN HOÀN THÁI	DH20NL						8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	20137116	NGUYỄN DƯƠNG THÁI	DH20NL						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	② ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	20152012	HỒ VĨNH THẾ	DH20NL						7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	20137118	BÙI THỊ NHẬT THIÊN	DH20NL						8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	20137119	LƯƠNG VĂN THỊNH	DH20NL						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	20137047	PHẠM NHƯ TÂM THÔNG	DH20NL						5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	② ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	20137122	NGÔ THANH TIẾNG	DH20NL						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	② ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03541

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	20137126	VÕ BẢO TOÀN	DH20NL						9	0012345678910	0123456789
50	20137129	NGUYỄN THANH TRANG	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
51	20137131	TRẦN QUỐC TRUNG	DH20NL						9	0012345678910	0123456789
52	20137057	LƯƠNG MINH TUẤN	DH20NL						9	0012345678910	0123456789
53	20137132	BÙI NGỌC ANH TUẤN	DH20NL						8.5	0012345678910	0123456789
54	20137134	LÂM VŨ HUY VĂN	DH20NL						8.5	0012345678910	0123456789
55	20137133	TRIỆU VÂN	DH20NL						8.5	0012345678910	0123456789
56	20137136	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH20NL						9	0012345678910	0123456789
57	20137137	NGUYỄN LÊ VIN	DH20NL						9	0012345678910	0123456789
58	20137061	NGUYỄN MINH VŨ	DH20NL						8	0012345678910	0123456789
59	20137138	TRẦN TÂN VỸ	DH20NL						8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Hào

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực hành CNC (207601) - 04

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD	✓			2,7	0	2,7	○○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	15153015	Lê Cảnh Trường	DH15CD	✓			0	0	0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16153027	Hán Tấn	DH16CD				2,1	3,5	5,6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17153005	Lê Hoàng	DH17CD				3	6,7	9,7	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	17153006	Nguyễn Tuấn	DH17CD				3	2,8	5,8	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	17153011	Nguyễn Minh	DH17CD				2,1	3,2	5,3	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17153023	Nguyễn Hùng	DH17CD				2,4	7	9,4	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	17153028	Nguyễn Thành	DH17CD				3	7	10,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	17153034	Lê Văn	DH17CD				2,7	3,2	5,9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
10	17153038	Nguyễn Tiến	DH17CD				3	7	10,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	17153040	Đặng Ngọc	DH17CD				3	7	10,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	17153043	Lâm Vũ	DH17CD				3	7	10,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	17153045	Nguyễn Thanh	DH17CD				2,7	6,3	9,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17153046	Ngô Thiên	DH17CD				2,1	5,3	7,4	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	17153051	Võ Thành	DH17CD				2,4	7	9,4	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
16	17153054	Dương Trung	DH17CD				2,4	3,2	5,6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
17	17153057	Nguyễn Đức	DH17CD				3	3,5	6,5	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	17153073	Nguyễn Minh	DH17CD				3	7	10,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực hành CNC (207601) - 04

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD				3	7	10,0	00123456789	0123456789

Số lượng vắng:

2

Hiện diện: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Thị Tiên


Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 01958

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Phan Minh Hiếu**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK				3,0	4,9	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
3	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK				3,0	6,3	9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
4	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK				2,4	6,3	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
5	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD				0,6	7,0	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
6	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK				1,8	5,6	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
7	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK				3,0	4,6	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
8	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK				2,7	6,3	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17118046	Trần Khải	DH17CK				3,0	6,7	9,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
10	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK				0,6	5,6	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
11	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK				3,0	7,0	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK				3,0	5,6	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
13	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK				3,0	6,7	9,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
14	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK				2,85	6,65	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	17118063	Trần Phương	DH17CK				0,6			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK				2,85	5,25	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01958

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Phan Minh Hiếu**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK				3,0	7,0	10,0	00123456789●	●123456789
18	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK				3,0	6,3	9,3	0012345678●10	012●456789
19	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK							●012345678910	0123456789
20	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK				2,7	6,3	9,0	0012345678●10	●123456789
21	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK				0,3	5,6	5,9	0012345●678910	012345678●
22	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK				3,0	3,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
23	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD				0,6	4,2	4,8	00123●5678910	01234567●9
24	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK				2,1	6,0	8,1	001234567●910	0●123456789
25	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				3,0	4,6	7,6	00123456●8910	012345●789
26	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK				2,7	5,6	8,3	001234567●910	012●456789
27	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK				3,0	6,3	9,3	0012345678●10	012●456789
28	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK				2,4	5,6	8,0	001234567●910	●123456789
29	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK				3,0			●012345678910	0123456789
30	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK				2,7	4,2	6,9	0012345●78910	012345678●
31	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK				2,7	6,7	9,4	0012345678●10	0123●56789
32	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD				1,7	6,3	8,0	001234567●910	●123456789



Mã nhận dạng 01958

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi

001_DH17CK_02

Tên CBGD

Phan Minh Hiếu

Ngày Thi 15/01/2021

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK	Tiến			3,0	5,6	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK	Tín			3,0	6,7	9,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK	Toàn			3,0	5,6	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK	Trí			2,85	5,95	8,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK	Việt			3,0	5,6	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK	Việt			3,0	5,3	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 04

Ngày 26 Tháng 1 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiếu

Trần Đức Kiên

Trần Đức Kiên

Phan Minh Hiếu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC		1	8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC		1	8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC		1	8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC		1	8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC		1	8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC		1	8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC		1	8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC		1	8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC		1	8	8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái VI	DH17CKC		1	8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 10

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N. Tấn Phúc

N. V. N. Thạc

Trần Thị Kim Ngà

N. Tấn Phúc

N. V. N. Thạc



Mã nhận dạng 01060

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			6	8	9	8.0	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			6	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			6	8	6	6.5	0012345678910	0123456789
4	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			6	8	6	6.5	0012345678910	0123456789
5	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			9	8	6.5	7.5	0012345678910	0123456789
6	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
7	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			10	7	1	4.8	0012345678910	0123456789
8	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			8	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
9	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			8	8	1	4.5	0012345678910	0123456789
10	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			6	8	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
11	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			8.5	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
12	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			7.5	8	1	4.4	0012345678910	0123456789
13	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			7.5	8	1	4.4	0012345678910	0123456789
14	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			8	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
15	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			6.5	8	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
16	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			9	8	1	4.8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
✓ 17	15153015	Lê Cảnh Trường	Giang	DH15CD	✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18153017	Nguyễn Bảo	Giang	DH18CD	Chao	7.5	8	9.5	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18153018	Lê Thanh	Hải	DH18CD	Hai	7.5	8	6.5	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	DH18CD	Tru	8	8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	DH18CD	Phu	9	8	6	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18153026	Đoàn Ngọc	Hoàng	DH18CD	Hoang	8	8	6.5	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18153029	Trương Vĩnh	Huy	DH18CD	Tru	10	7	1	4.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18153027	Trần Ngọc	Hưng	DH18CD	Tru	7.5	8	1	4.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
✓ 25	18153030	Huỳnh Minh	Kha	DH18CD	Minh	7.5	8	6.5	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh	Khang	DH18CD	Vu	8.5	8	9	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	DH18CD	Vu	6.5	8	6	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18153036	Trần Việt	Khoa	DH18CD	Tru	10	7	9.5	9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
✓ 29	18153037	Nguyễn Minh	Khôi	DH18CD	Minh	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	18153038	Lê Trọng	Lâm	DH18CD	Tru	9	8	6	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD	Tru	6	8	6	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	18153041	Lâm Hoàng	Long	DH18CD	Long	10	7	6	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm iê
33	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			9	8	6	7.3	○○○123456●8910	○12●456789
34	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			9	8	8	8.3	○○○1234567●910	○12●456789
35	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			7.5	8	9.5	8.6	○○○1234567●910	○12345●6789
36	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			9	8	6	7.3	○○○123456●8910	○12●456789
37	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			6.5	8	1	4.1	○○○12345678910	○123456789
38	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			6.5	8	1.5	4.0	○○○12345678910	○123456789
39	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			7.5	8	9.5	8.6	○○○1234567●910	○12345●6789
40	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			10	7	6.5	7.5	○○○12345678910	○123456789
41	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			10	7	8	8.3	○○○1234567●910	○12●456789
42	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			7.5	8	6	6.9	○○○123456●78910	○123456789
43	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			6	8	9	8.0	○○○1234567●910	○123456789
44	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			7.5	8	10	8.9	○○○1234567●910	○123456789
45	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			10	7	9	8.8	○○○1234567●910	○123456789
46	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			7.5	8	6.5	7.1	○○○123456●78910	○123456789
47	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD		✓	✓	✓	✓	✓	●○○12345678910	○123456789
48	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			7.5	8	8	7.9	○○○123456●8910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD		8.5	8	9.5	8.9	○○○12345678910	○123456789
50	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD		9	8	6.5	7.5	○○○12345678910	○123456789
51	18153073	Nguyễn Tất	Thuận	DH18CD		8	8	9.0	8.5	○○○12345678910	○123456789
52	18138087	Nguyễn Trần Minh	Thuận	DH18TD		7.5	8	6.5	7.1	○○○12345678910	○123456789
53	18153077	Nguyễn Minh	Trí	DH18CD		8.5	8	9.5	8.9	○○○12345678910	○123456789
54	18153078	Tô Trung	Trực	DH18CD		8	8	6.5	7.3	○○○12345678910	○123456789
55	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD		8	8	9.5	8.8	○○○12345678910	○123456789
56	18153083	Phạm Khải	Tường	DH18CD		6	8	9.5	8.3	○○○12345678910	○123456789
57	18153086	Nguyễn Việt	Ý	DH18CD		9	8	7.5	8.0	○○○12345678910	○123456789

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: 53.

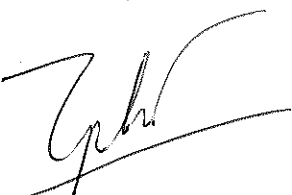
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Tấn Phúc.


N.V.N. Thach.


Trần Thị Kim Nga.


Nguyễn Tấn Phúc.


N.V.N. Thach.



Mã nhận dạng 01963

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			10	9.5	8.0	8.7	0012345678910	0123456789
2	16153002	Vũ Phan	DH16CD			8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái	DH17CD			8	9	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
4	17153005	Lê Hoàng	DH17CD			10	8.5	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
5	17153006	Nguyễn Tuấn	DH17CD			8	5	4.0	4.7	0012345678910	0123456789
6	17153003	Bùi Đình	DH17CD			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
7	13153042	Tạ Văn	DH13CD			7	7	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
8	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD			7	5	7.0	6.4	0012345678910	0123456789
9	17153011	Nguyễn Minh	DH17CD			8	8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
10	17153017	Nguyễn Hồng	DH17CD			10	9.5	8.0	8.7	0012345678910	0123456789
11	17153022	Đào Phụng	DH17CD			8	9	7.0	7.7	0012345678910	0123456789
12	17153021	Đặng Thế	DH17CD			8	8.5	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
13	17153023	Nguyễn Hùng	DH17CD			8	9	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
14	17153019	Nguyễn Hoàng	DH17CD			8	8.5	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
15	17153012	Dương Tấn	DH17CD			10	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
16	17153013	Hà Công	DH17CD			10	9	9.5	9.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01963

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			10	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
18	17153016	Nguyễn Trung	DH17CD			10	6	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
19	17153024	Đặng Minh	DH17CD			8	9	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
20	17153025	Trần Sơn	DH17CD			8	9.5	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
21	15153017	Trịnh Văn	DH15CD			10	8	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
22	17153200	Phạm Văn	DH17CD			10	9.5	4.0	6.3	0012345678910	0123456789
23	17153026	Nguyễn Trường	DH17CD			10	4	9.0	7.6	0012345678910	0123456789
24	17153027	Lê Trung	DH17CD			10	9.5	7.5	8.4	0012345678910	0123456789
25	17153028	Nguyễn Thành	DH17CD			10	9.5	8.0	8.7	0012345678910	0123456789
26	17153030	Bùi Văn	DH17CD			10	8	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
27	17153032	Lê Nguyễn	DH17CD			10	6	6.0	6.4	0012345678910	0123456789
28	17153033	Trần Quang	DH17CD			10	8.5	2.0	4.8	0012345678910	0123456789
29	17153034	Lê Văn	DH17CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
30	17153035	Dương Quốc	DH17CD			8	9	6.5	7.4	0012345678910	0123456789
31	17153037	Ngô Tín	DH17CD			10	8.5	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
32	17153038	Nguyễn Tiến	DH17CD			10	9.5	8.0	8.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01963

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD	<i>Kiên</i>		8	4	7.5	6.5	0012345678910	0123456789
34	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD	<i>Lâm</i>		10	9.5	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
35	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD	<i>Lập</i>		10	9.0	9.5	9.4	0012345678910	0123456789
36	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	<i>Linh</i>		8	4	3.0	3.8	0012345678910	0123456789
37	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD	<i>Long</i>		10	9.5	5.0	6.9	0012345678910	0123456789
38	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD	<i>Nam</i>		10	9.5	4.5	6.6	0012345678910	0123456789
39	17153046	Ngô Thiên Nghia	DH17CD	<i>Nghia</i>		8	5	2.0	3.5	0012345678910	0123456789
40	17153047	Nguyễn Trung Nghia	DH17CD	<i>Nghia</i>		6	9	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
41	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD	<i>Nguyên</i>		10	9.5	8.0	8.7	0012345678910	0123456789
42	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD	<i>Nhan</i>		10	9	8.0	8.5	0012345678910	0123456789
43	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD	<i>Nhựt</i>		8	5	6.5	6.2	0012345678910	0123456789
44	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD	<i>Phong</i>		10	4	6.0	5.8	0012345678910	0123456789
45	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD	<i>Phúc</i>		10	8	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
46	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD	<i>Phúc</i>		10	8	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
47	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD	<i>Son</i>		10	8	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
48	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD	<i>Tai</i>		8	8.5	10.0	9.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01963

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động lực học- Điều khiển robot(207629)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			8	8.5	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
50	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
51	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			10	4	5.5	5.5	0012345678910	0123456789
52	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
53	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			10	9.5	5.0	6.9	0012345678910	0123456789
54	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			10	8.5	6.5	7.5	0012345678910	0123456789
55	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			4	5	5.5	5.2	0012345678910	0123456789
56	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			10	9.5	4.0	6.3	0012345678910	0123456789
57	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
58	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			8	5	5.0	5.3	0012345678910	0123456789
59	17153075	Lê Quốc Trang	DH17CD			10	8	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
60	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			10	9	9.5	9.4	0012345678910	0123456789
61	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			10	9	9.0	9.1	0012345678910	0123456789
62	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			10	4	5.0	5.2	0012345678910	0123456789
63	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
64	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01963

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động lực học- Điều khiển robot(207629)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			10	8.5	45	6.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65 Số sinh viên vắng ...0...

Ngày 11 Tháng 01 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. N.T. Phúc

Phan Minh Hiền

Trần Thị Kim Ngân

TS. Nguyễn Tấn Phúc

TS. Nguyễn Đức Khoa



Mã nhận dạng 01066

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT						9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT						7.8	0012345678910	0123456789
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT						7.5	0012345678910	0123456789
3	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT						8.0	0012345678910	0123456789
4	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT						8.0	0012345678910	0123456789
5	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT						8.2	0012345678910	0123456789
6	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT						7.0	0012345678910	0123456789
7	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT						7.5	0012345678910	0123456789
8	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT						7.2	0012345678910	0123456789
9	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT						7.6	0012345678910	0123456789
10	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT						6.8	0012345678910	0123456789
11	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT						8.1	0012345678910	0123456789
12	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT						7.8	0012345678910	0123456789
13	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT						8.0	0012345678910	0123456789
14	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT						7.6	0012345678910	0123456789
15	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT						7.7	0012345678910	0123456789
16	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT						7.6	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
18	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
19	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT						7.7	○○○123456●8910	○123456●89
20	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT						7.6	○○○123456●8910	○12345●789
21	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT						7.5	○○○123456●8910	○1234●6789
22	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT						7.4	○○○123456●8910	○123●56789
23	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT						7.5	○○○123456●8910	○1234●6789
24	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT						7.1	○○○123456●8910	○●23456789

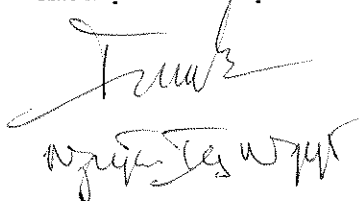
Số lượng vắng:

Hiện diện:

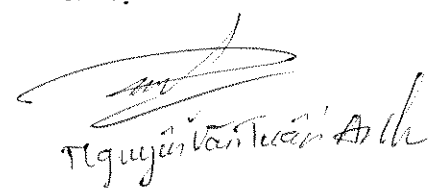
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154003	Trương Long Ân	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
2	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
3	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT						7.8	○○○123456●8910	○1234567●9
4	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
5	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT						7.7	○○○123456●8910	○123456●89
6	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT						7.6	○○○123456●8910	○12345●789
7	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT						7.7	○○○123456●8910	○123456●89
8	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
9	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT						7.3	○○○123456●8910	○12●456789
10	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT						7.0	○○○123456●8910	●123456789
11	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT						6.7	○○○12345●78910	○123456●89
12	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT						7.0	○○○123456●8910	●123456789
13	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT						7.4	○○○123456●8910	○123●56789
14	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT						7.6	○○○123456●8910	○12345●789
15	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT						8.0	○○○1234567●910	●123456789
16	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT						7.7	○○○123456●8910	○123456●89

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

Cán bộ chấm thi 2

Trương Văn Tuấn Anh

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT						7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT						7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT						8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT						8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT						6.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT						7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT						7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT						7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT						7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT						7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT						7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT						7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01073

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						80	0012345678910	0123456789
18	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT						80	0012345678910	0123456789
19	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT						80	0012345678910	0123456789
20	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT						72	0012345678910	0123456789
21	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						V	0012345678910	0123456789
22	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT						71	0012345678910	0123456789
23	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT						68	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT						81	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT						76	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT						77	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT						76	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT						70	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT						81	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT						81	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT						81	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT						80	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hường	DH18OT						80	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT						71	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT						76	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT						78	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT						70	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT						81	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18154089	Đoàn Minh Nhơ	DH18OT						80	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh